

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT
HOA NGHIÊM KINH TÙY SỞ DIỄN
NGHĨA SAO
QUYỂN 59**

- Sở câu: “Đoạn thứ hai biện minh về chín chi của phần giữa, sau”: Cũng có thể nói đến mười nghĩa như trước đã nêu. Do Hành, Thức ẩn hiện nên nói chín. Phần tiếp theo sẽ diễn rộng nêu rõ.

- Sở câu: “Nhưng Luận gồm luôn văn tóm kết, phân tổng quát làm ba đoạn”: Toàn bộ văn tóm kết ấy là phần Sở giải nhận xét về kinh, tức ở trước đã gồm đủ các quán về khổ, phần đầu, do căn cứ nơi mười hai duyên để nêu rõ về khổ, nên phần nhận định tổng quát, văn phân làm hai: Một: Biện minh riêng về Tướng của duyên. Hai: Từ câu: “Như thế, chúng sinh” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về Vọng khổ. Dựa nơi trước mới chia làm hai: Một là: Biện minh về ba chi của đời trước. Hai là: Biện minh về chín chi của phần giữa sau. Nay, nơi Luận chính là ở trong chín chi giữa và sau, bao hàm dùng văn tóm kết phân làm ba đoạn. Nếu dựa thẳng nơi văn kinh thì từ đây trở xuống là gồm luôn đoạn thứ ba. Hai đoạn kia là quán về điên đảo, nên gồm lại phân làm bốn: Một: Chỉ rõ về Tướng của duyên theo chín chi. Hai: Từ câu: “Như thế, chúng sinh” tiếp xuống: Là tóm kết xác nhận về Vọng khổ. Ba: Từ câu: “Trong đó đều là Không” tiếp xuống: Là nêu rõ Thể của duyên là Không. Bốn: “Chọn lấy văn kinh nói về hai thứ điên đảo kia”: Là tóm kết xác nhận mê hoặc. Đoạn thứ tư này tức là dùng Quán thứ ba. Nay thuận theo Luận, dựa nơi ba đoạn ở trước, chia đoạn một và nửa trước làm hai, hợp nửa sau cùng đoạn hai làm một. Dùng đoạn thứ ba làm một nên cũng có ba. Căn cứ theo phần Sở giải, văn phân làm ba đoạn: Một: Nêu ra ba tên gọi. Hai: Từ câu: “Nói là Tự Tướng” tiếp xuống: Là giải thích ba tên gọi. Ba: Theo văn giải thích. Nơi đoạn hai, nói “Đồng tướng giải thích có hai nghĩa”: Thứ nhất: Tức nghĩa theo Đại sư Tuệ Viễn. Thứ hai: Tức ý chính của phần Sở giải hiện tại. Gồm bốn chi tiết: Một là: Chính thức biện minh. Hai là: Từ câu: “Cũng như Sắc v.v...” tiếp xuống: Là dẫn sự so sánh để giải thích chỗ gồm chung của Tự

tướng, Cộng tướng. Chứng minh, xác nhận thì Tự tướng hoàn toàn đồng với đồng tướng, nhưng rộng hẹp thì chẳng như nhau. Đây chỉ căn cứ nơi nhân duyên nên hẹp. Kia thì chung cho cả Hữu vi nên rộng. Nhưng lỗi lầm của Duyên khởi tức là đồng với vô thường. Ba là: Từ câu: “Tức là hiện tại” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về sự ẩn, hiện. “Vị lai là ẩn giấu Tự tướng, hiển bày đồng tướng”, tức khiến chán lia quả hiện có để dứt tuyệt nhân hiện tại. Bốn là: Từ câu: “Chỗ giải thích ấy là thuận theo Luận” tiếp xuống: Là nêu dẫn Luận để chứng minh xác nhận.

- Sở từ câu: “Nói tướng của quả báo” tiếp xuống: Là giải thích riêng về Tướng thứ nhất. Văn nơi phần Sở giải phân làm năm: Một: Chính thức giải thích nghĩa “Báo”. “Dị thực” là Thể của Báo nơi ba cõi, cùng do Danh sắc sinh, nên nêu rõ là quả báo. Hai: Từ câu: “Nên Luận viết” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Thức Dị thực là nghĩa về Tướng nơi Báo. Ba: Từ câu: “Ở đây bao gồm chi Thức” tiếp xuống: Là nêu ra Thể. Bốn: Từ câu: “Nên Nhiếp Luận nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng về ba Tướng. Năm: Từ câu: “Kinh viết” tiếp xuống: Là giải thích văn. Ba đoạn trước có thể nhận biết. Trong đoạn bốn gồm ba chi tiết: 1) Dẫn Luận để nêu ra tên gọi. 2) Giải thích ý của Luận kia (Nhiếp Luận). 3) Lãnh hội cách giải thích của hai Luận. Chi tiết một: Tức nơi Quyển hai của Luận, thuộc phẩm “Chỗ dựa của đối tượng được nhận biết”. Luận viết: “Như thế là đã nói về Thức A-lại-da, an lập nơi môn khác. An lập về Tướng ấy thì làm sao có thể nhận thấy? An lập về tướng ấy lược có ba thứ: Một là an lập Tự Tướng. Hai là an lập Nhân Tướng. Ba là an lập Quả Tướng ...”. Nghĩa là: Dựa vào chỗ có huân tập của tất cả pháp tạp nhiễm làm nhân sanh khởi của pháp kia, do có thể thâm nhiếp gìn giữ chủng tử tương ưng. Đó là Tự tướng. Nhân tướng tức là tướng của tất cả chủng tử A-lại-da như thế trong mọi lúc đều cùng các pháp thuộc phẩm loại tạp nhiễm mà làm nhân. Quả tướng, là những huân tập chủng tử vốn có từ vô thủy đến nay, được Thức A-lại-da tương tục mà sanh khởi. Trong giải thích nơi Luận nói: Chia chẻ Thức này thành Tự tướng, Ứng tướng, cho là hai loại. Vì Nhân, Quả khác nhau. Giải thích: Tướng đầu nói: “Dựa vào chỗ có...” là luận tự giải thích. Tức là sở nay nói:

“Ý Luận ấy là biện minh” tiếp xuống: Là chi tiết hai giải thích ý của Luận kia, chỉ nêu tóm lược phần chính yếu. “Nếu chẳng đối chiếu với Nhân, Quả mà nói thẳng dựa vào Tự Thể”: Tức Tự Thể của Thức là cùng bao hàm cả Nhân Quả. Phân ra Nhân Quả tức là hai Tướng. Chẳng phân Nhân Quả tức là Tự Tướng. Cho nên giải thích ở trên, Luận đã viết: “Chia chẻ Thức ấy thì Tự Tướng và ứng Tướng, do vì hai thứ Nhân

Quả khác nhau, tức Tự Tướng là chung, Nhân Quả là riêng”.

- Sở từ câu: “Nay Luận nói về Nhân tướng” tiếp xuống: Là chi tiết ba, lãnh hội cách giải thích của hai Luận.

Hỏi: Nhân Quả cùng khác, vì sao nhân của đây mà là quả của kia?

Đáp: Nay cho Thức của Quả là Nhân của Danh sắc, chẳng phải là do chủng tử làm nhân của Hiện thức. Vì thế tên gọi khác mà Thể là một, nên ba tướng trong đây, thì Tướng một, hai đều là quả theo Nghiệp Luận. Tướng quả của Luận ấy chính là tướng quả của Danh sắc. Nói: “Lập danh tuy khác nhưng đều chung cả Nhân Quả”: Tức nêu rõ chỗ dẫn về ba Tướng của Luận kia chẳng phải chứng minh cho ba tướng này mà chỉ biện minh Thức này là chung nơi Quả. Nhân thì như đoạn trước.

- Sở câu: “Chỗ gọi là Danh sắc” tiếp xuống: Là nêu ra Thể Tướng nơi mầm mống của khổ”. Văn gồm ba: Một: Lập lại kinh để nêu chung. Kinh nói: “Chỗ gọi là Danh sắc cùng sinh”. Hai: Từ câu: “Luận viết” tiếp xuống: Là dẫn Luận để giải thích. Ba: Từ câu: “Nghĩa là Danh sắc cùng với Thức gốc kia” tiếp xuống: Là phần Sở giải thích Luận. Trong Luận, chữ “Kia” (Thức gốc kia) tức là Thức A-lại-da. Phần này gồm ba chi tiết: Một là: Hiển bày tổng quát về ý của Luận. Hai là: Từ câu: “Danh tức chẳng phải là Sắc” tiếp xuống: Là nêu ra Thể. Ba là: Từ câu: “Hai thứ này cùng với Thức” tiếp xuống: Là làm rõ nghĩa “Cùng sinh”, nghĩa là “Bó lau”. Nơi địa thứ sáu sẽ giải thích. Tức chỗ dẫn Nghiệp Luận ở trước, phần văn tiếp sau viết: “Thức A-lại-da cùng với các pháp tạp nhiễm kia đồng thời lại cùng làm Nhân. Làm sao có thể nhận thấy? Ví như đèn sáng, ngọn lửa và tim đèn đồng thời cháy sáng mà cùng hỗ tương. Lại như “Bó lau” cùng dựa vào nhau, giữ nhau đồng thời chẳng ngã”.

Giải thích: Cây đèn, tim đèn sinh ra ánh lửa. Ánh lửa của ngọn đèn đốt cháy tim đèn, làm nhân quả lẫn nhau, chính là nghĩa Thức của Quả là Nhân của Danh sắc.

- Sở câu: “Hai thứ chẳng lìa nhau là Nhân tướng”: Là nhắc lại kinh để nêu tên gọi. “Tức hiển bày Thức gốc là nhân của Danh sắc”: Là Sở giải thích về nhân. Từ câu: “Nghĩa là Danh sắc” tiếp xuống: Là Luận giải thích về Tướng. Nói “Danh sắc chẳng lìa Thức gốc kia”: Là Luận chủ giải thích từ “Chẳng lìa” nơi kinh. Chẳng phải là “Chẳng lìa” Danh sắc mà có sáu Xứ, mà làm rõ trong câu trên, “Cùng sinh” là “Chẳng lìa”. Nói “Dựa nơi Thức gốc kia”: Là Luận chủ tự giải thích chữ

Nhân tướng. Từ câu: “Đã dựa theo chỗ giải thích ấy” tiếp xuống: Là nhà viết Sở giải xác định nêu rõ trong tướng Nhân của tự tướng ấy có chi Thức cùng chi Danh sắc chẳng đồng. Cách giải thích xưa chỉ chọn lấy chỗ đồng nơi chi Danh sắc và chi Thức ở trước, cho là trong tà kiến. Nay nói “Danh sắc dựa vào đây mà dậy khởi” là dựa vào nhân của Thức gốc kia mà sinh.

- Sở từ câu: “Ba là Quả tướng kia, tức đây là Danh sắc tăng trưởng” tiếp xuống: Do phần trước của kinh đã nhận định, nêu ra, nên ở đây đã lược bớt không nhắc lại. Trong phần số chỉ giải thích về Quả kia, phân biệt chẳng phải là Tướng của Báo mà là Thể của Quả. Nay cho sáu Xứ cùng là quả của Danh sắc thuộc Tướng của Báo. Ở trên nói “Thứ lớp”: Tức Danh sắc sinh Lục Xứ, Lục Xứ sanh Xúc v.v... tức thứ lớp không hỗn loạn.

- Sở câu: “Hai trong đồng tướng”: Luận chủ cho là dễ lãnh hội nên không giải thích. Văn nơi phần Sở giải cũng hiển bày. Nhưng trong phần địa thứ sáu gọi là “Gốc khổ”, mở rộng thì có đó. Nói “Văn nghĩa hiển bày”: Văn tức trong đó có “Lo buồn khổ não v.v...”. Luận Duy Thức viết: “Ở trong phần lão, tử thì hầu hết là không an lạc”. Nói “Nghĩa hiện rõ”: Tức sinh tử là khổ. Khổ của lo buồn là hết sức rõ rệt nên là đồng tướng.

- Sở câu: “Ba là trong tướng diên đảo”: Gồm hai phần: Một: Giải thích tổng quát. Hai: Từ câu: “Đây có bốn lớp” tiếp xuống: Là giải thích riêng.

- Sở câu: “Phái Tăng Khư nói Giác cho là thần tướng”: Tức nơi Bách Luận, trong phần thứ hai của phẩm Phá thần ngã... (lược bớt).

- Sở câu: “Nếu căn cứ nơi Tiểu thừa dựa theo năm Uẩn mà nói”: Thì Thọ uẩn gọi là Giác, như Giác về khổ vui. Ba uẩn gọi là Tri. Tướng giữ lấy nơi hình tượng. Hành có Dục, Thắng giải, đều là nghĩa Tri, nghĩa Thức. Lại nêu rõ Sắc chẳng phải là hai uẩn ấy.

- Sở câu: “Căn cứ nơi sáu căn nói Thân thức gọi là Giác v.v...”: Nếu căn cứ theo chỗ biện minh riêng thì mắt thấy, tai nghe. Mũi, lưỡi, thân, ba thứ này gọi là Giác. Ý căn gọi là Tri. Nay cho Xúc - trần đối hợp là Giác, năm thứ còn lại gọi là Tri.

- Sở từ câu: “Hiện có Tri, Giác” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vấn nạn của ngoại đạo: Trước là nêu vấn nạn. Từ câu: “Tùy thuận theo thế tục” tiếp xuống: Là giải đáp. Tức ý của Trung Luận.

- Sở từ câu: “Lại nữa Tâm pháp có bốn” tiếp xuống: Cũng là đáp lại vấn nạn nêu trên. Gồm hai phần: Một: Nêu lên tướng của pháp.

Hai: Tóm kết đáp lại chỗ vấn nạn kia. Nơi phần một, bốn tướng ấy (Sự, Pháp, Lý, Thật) tức đồng với Luận Duy Thức quyển thứ chín nói về bốn thứ thắng nghĩa: Thứ nhất: Thắng nghĩa của thế gian: Tức Uẩn, Giới, Xứ v.v... Thứ hai: Thắng nghĩa đạo lý: Tức Khổ Tập v.v... Thứ ba: Thắng nghĩa chứng đắc: Tức Chân như của hai Không. Thứ tư: Thắng nghĩa của Thắng nghĩa: Tức Nhất Chân pháp giới. Có diễn rộng như trong phần “Huyền Đàm”. Nay - văn nơi phần Sở giải trước là nêu ra tên gọi. Sau, từ câu: “Nghĩa là tùy theo Cảnh” tiếp xuống: Là giải thích về tướng.

- Sở từ câu: “Trong bốn lớp này” tiếp xuống: Là phần hai, tóm kết để đáp lại chỗ vấn nạn kia: Ông hiện thấy Có chỉ là một môn thứ nhất. Nay căn cứ vào ba môn sau nên nói là Không. Lại nữa, dùng tướng thứ hai (Pháp) để phá bỏ tướng thứ nhất (Sự) tức Sự chẳng phải là Sự. Hoặc dùng tướng thứ ba (Lý) để phá hai tướng trước, tức hai tướng trước đều là Không. Hoặc dùng tướng thứ tư (Thật) loại trừ tướng Không kia: Không cũng chẳng lập mới gọi là Thật. Lại: Ba là dùng Không để loại bỏ Có. Bốn là dùng Thật để loại bỏ Không. Không, Thật chẳng ngăn ngại. Tri tức là Vô tri. Nhưng phá bỏ Ngã cùng Pháp thì đã có diễn rộng như nơi văn kinh thuộc các hội trước.

- Sở câu: “Như tiếng vang có thể dụ cho âm thanh của ngôn từ”: Dụ ấy cũng là ngăn chặn sự biện hộ giúp về. “Vô tri” nghĩa là vật vô tình. Động cùng chẳng động nên không tri giác. Chúng sinh có tâm sao cho là không tri giác? Nên dẫn tiếng vang để dụ. Nhân nơi tâm phát ra âm thanh. Gõ mạnh vào hang sâu thì phát ra tiếng vang, tiếng vang không tri giác. Tình phát ra cũng vậy.

- Sở câu: “Quán về hai điên đảo kia”: Điên đảo có ba ý: Một: Mê Chân theo Vọng tức là điên đảo. Hai: Do mê Chân nên nơi Lạc thì cho là Khổ. Do theo Vọng nên đối Khổ cho là Lạc. Ba: Chẳng biết Chân nên lia Chân. Chẳng rõ Vọng nên theo vọng. Do đó, Luận giải thích kinh nói: “Bất giác bất tri mà thọ nhận các thứ khổ não”. Tuy có ba lớp mà ý chỉ là một. Cho nên trong phần Sở giải trước sau cùng nêu ra.

- Sở câu: “Đã nói đầy đủ về khổ ắt là biết không an lạc”: Đây là nhằm ngăn chặn chỗ vướng mắc do vấn nạn. Tức e có người hỏi: Từ là cho vui, trong Kinh chỉ nói thấy chúng sinh là có khổ, sao còn nói dấy khởi lòng từ. Cho nên để thông suốt nói như vậy. Nhưng nơi kinh, hai quán về Từ, Bi là tóm lược - bổ sung. Trong Bi thấy Cảnh lại không có câu “Cứu giúp”. Trong Từ thiếu phần thấy Cảnh, trở lại gồm cả lời “Cứu giúp”. Hai quán này cùng duyên có khổ nên “Phát sinh Từ”Tiếp

xuống là lại nêu lên Cảnh trước để biện minh về “Cứu giúp”, xác nhận cho Bi của phần trên. Đem đến nơi chốn an lạc, là Từ của sự phát sinh tiếp sau, nên nghĩa đều gồm đủ.

- Sở câu: “Một là nêu rõ về chỗ dựa của Thí”: Tức kinh nói Tùy thuận theo đại từ, đại bi như thế, là có khả năng dứt sạch khổ kia, có khả năng đem lại an lạc. Nếu nêu bày riêng thì Tài thí là cứu giúp sự nghèo khổ của hiện tại, đem đến sự an lạc giàu có nơi hiện nay. Pháp thí thì cứu giúp, dứt trừ cái khổ của vị lai, đem đến sự an lạc xuất thế gian. Vô úy thí dứt trừ chỗ sợ hãi của hiện tại, đem đến cái vui của sự an ổn. Trong văn căn cứ nơi phần một nên đa số đều biện minh về Tài thí, mà nói là “Đại xả”. Lại nói: “Phàm là sở hữu” tức là bao gồm đủ.

- Sở câu: “Một là ngoại tài, hai là nội tài”: Nơi các hội trước đã diễn rộng, do dễ lãnh hội nên sơ cũng không giải thích. Văn của Luận diễn rộng, nay sẽ nêu dẫn đủ.

Luận giải thích câu chung: “Phàm là sở hữu tất cả nên xả bỏ”: Đã nói: “Tất cả vật thì lược nêu có hai thứ: Một là bên ngoài. Hai là bên trong”. Tiếp theo, giải thích “Chỗ gọi là” tiếp xuống: Là Luận giải thích riêng. Gồm hai: Một là giải thích bên ngoài. Hai là giải thích bên trong. Nơi phần bên ngoài lại phân làm chung, riêng. Giải thích “Câu chung” nói: “Bên ngoài lại có hai thứ: Một là chỗ sử dụng. Hai là phần tích trữ. Như kinh gọi là “Tất cả tài sản lúa thóc, kho tàng v.v... thứ lớp là như thế”.

Giải thích: Trong đó, tài sản lúa thóc là chỗ sử dụng. Kho tàng chứa cất là phần tích trữ. Trong kinh từ câu: “Vàng, bạc” tiếp xuống: Là giải thích riêng. Luận nói: “Trong đó, nói rộng thì có tám thứ: Từ vàng bạc cho đến tất cả sự vật của chỗ được yêu thích. Tất cả sự vật được yêu thích tức kinh hiện nay nói: “Cùng các sở hữu khác như các vật dụng thuộc loại đồ chơi quý giá”, gồm luôn sở hữu bên trong là loại thứ chín”.

Giải thích: Là sự vật bên ngoài. Trong Xả, Xả thứ nhất là chung, chín thứ còn lại là riêng. Dựa vào đấy nên có hai thứ Hỷ: Một là tàng nhiếp Hỷ. Hai là Lợi ích Hỷ. Tàng nhiếp Hỷ: Tức nói như vàng bạc v.v... Lợi ích Hỷ: Lại có tám thứ.

Giải thích: Nhằm gồm luôn phần bên trong tiếp sau nên cùng thành hai Hỷ. Chỗ nêu lên cho rằng: “Sự việc bên ngoài có chín” tiếp xuống: Là giải thích loại thứ tám trong phần riêng, tức là ở bên trong. Nhưng thứ lớp nơi tám thứ Hỷ khác với hiện nay. Nay thì dựa nơi thứ lớp của kinh này, tức gồm: Một: “Nghiêm sức lợi ích Hỷ”: Tức là châu báu,

chuỗi quý... Hai: Đại bộ lợi ích Hỷ”: Tức như voi, ngựa, xe cộ. Ba: “Đại khổ lợi ích Hỷ”: Tức như hàng nô tỳ, mọi người. Tương đương với Luận là loại thứ tư. Bốn: “Tự tại lợi ích Hỷ”: Nghĩa là như làng xóm, thành, ấp. Tương đương với Luận là loại thứ năm. Năm: “Hỷ lạc lợi ích Hỷ”: Tức như các vườn rừng đài quán. Tương đương với loại thứ ba nơi Luận. Sáu: “Quyến thuộc lợi ích Hỷ”: Tức như thê thiếp, họ hàng nam nữ nội ngoại. Bảy: “Kiên trước lợi ích Hỷ”: Tức như các thứ vật dụng thuộc đồ chơi quý giá hiện có v.v... Tám: “Xứng ý lợi ích Hỷ”: Tức như đầu mắt tay chân v.v... Ba loại sau (sáu, bảy, tám) Giống với thứ lớp nơi Luận.

- Sở câu: “Tùy chỗ ứng hợp với căn cơ mà nên dùng pháp nào”: Kinh có ba câu, câu này là chung, hai câu sau là riêng. Thế nào là chỗ thích nghi? Hai là “Tùy nghi lực”. (Sự thích nghi tùy theo sức lực). Ba là “Tùy hiện tập nghi” (Sự thích nghi tùy theo chỗ tập quen hiện có). “Hiện tập nghi” cũng như con nhà chuyên nghề giặt giũ nên khiến tu tập theo pháp Quán Bất tịnh.

- Sở câu: “Từ câu: “Biết thời” tiếp xuống: Là chính thức hiển bày về Hành tướng:” ba câu của Hành tướng thì Biết thời, Biết lượng, hợp làm một nên chia thời có ba, thời thứ ba tức là nghĩa “Biết lượng”. Nói “Như thế là trong các thời nên tu tập định” tức nơi văn của kinh Đại Bát Niết-bàn ở trên đã nêu dẫn. Sở câu: “Ban ngày thì gìn giữ tâm v.v...” tức dẫn Kinh Di giáo. Kinh ấy nói: “Này các Tỳ kheo! Ban ngày nên gắng tâm tu tập pháp thiện, đừng để uổng mất thời gian. Đầu khuya rạng sáng cũng chớ phế bỏ. Giữa đêm tụng Kinh, để tự an nghỉ Không nên dùng nhân duyên ngủ nghỉ khiến để một đời luống qua, chẳng được gì cả. Cho nên niệm suy nghĩ đến ngọn lửa vô thường đốt cháy thế gian, mà sớm cầu tự mình vượt qua, chớ nên ngủ nghỉ. Các giấc phiền não rình rập thường xuyên để giết chúng ta còn độc hại hơn kẻ oán thù. Sao có thể ngủ nghỉ mà không tự cảnh giác tỏ ngộ! Phiền não như rắn độc ngủ giữa tâm ông. Ví như rắn độc ngủ chúng trong phòng của ông, thì phải lấy móc sắc trì giới, sớm đuổi trừ chúng. Khi chúng ra ngoài phòng rồi các ông mới được ngủ yên. Rắn không ra mà vẫn ngủ, là người không biết hổ thẹn. Y phục của sự hổ thẹn là vật trang nghiêm tốt nhất trong các loại trang nghiêm. Sự hổ thẹn như móc sắt có thể chế ngự sự phi pháp của con người. Vì thế, các Tỳ kheo nên luôn hổ thẹn không được tạm dừng. Nếu lìa bỏ sự hổ thẹn, thì mất các công đức. Người có lòng hổ thẹn thì có pháp thiện! Không có hổ thẹn thì khác nào loài cầm thú vậy”.

Giải thích: Chỉ xem phần văn của Sở đã dẫn là đủ hiểu rồi.

- Số câu: “Tức là lượng tính về năng lực kham nhận, vừa yêu thích vừa cố gắng chớ khiến quá phần”: Tức văn nơi kinh Đại Bát Niết-bàn, như phần trên đã nêu dẫn. Cũng giống với Giáp thủ Lô Na điều hòa pháp đánh đàn. Nói “Sau liền dừng bỏ”: Tức ý nơi Luận Khởi Tín, phần “Tín tâm tu hành”. Luận ấy cho là sự mê hoặc của Ma nên hoặc vội vã dấy khởi tinh tấn, về sau liền dừng bỏ. Nay thì khiến chớ nên “Quá phần”, tức chẳng phải là vội vã dấy khởi, nên cũng chẳng dừng bỏ. Nhưng về ba thời thì phần Số giải đều cùng giải thích. Cũng có thể ba thời ấy là đầu, giữa và cuối. Đầu thì chính là ghi nhớ rõ ràng. Giữa thì đêm ngày siêng năng tu tập. Cuối thì mới chẳng dứt bỏ. Đây tức là sự hổ thẹn đã nói ở trước (nơi kinh Di Giáo). Hai là trong phần Lợi Hành, chỗ giải thích kinh ở trong Hành này đã dùng ba Hành sau thâu giữ bảy Hành trước. Cũng như trong phần Hổ thẹn đã gồm thâu bảy môn trước làm Hành của hai Lợi, nên hai Lợi của hiện nay tức là bảy Hành trước. Mà chỗ giữ giúp của Hổ thẹn ấy là sự tu tập vững chắc trong Hành. Từ câu: “Muốn sớm mong được độ thoát” tiếp xuống: Là giải thích sự siêng năng tu tập. Từ câu: “Xuất ly” trở xuống: Là chính thức hiển bày văn của phần nói về Hành Tướng. Câu này là biện minh chung về “Thể của sự vững chắc”, tức là văn của kinh Di Giáo đã dẫn ở trên. Từ câu: “Chẳng thối chuyển nơi phần của chính mình” tiếp xuống: Là giải thích riêng về Tướng của sự vững chắc. Kinh trước đã nêu dẫn là “Kinh Di Lạc vấn”.

- Số câu: “Chánh Hành, lợi dưỡng gồm đủ hai thứ cúng dường”: Ở trên, trong phần đối chiếu về Nguyên có ba thứ cúng dường: Một là cúng dường lợi dưỡng. Hai là cúng dường cung kính. Ba là cúng dường chánh hành. Nay cho cung kính là chung cho hai lợi trên, nên chỉ phân ra Tài, Pháp.

- Số câu: “Thứ ba, từ câu Phật tử! tiếp xuống: Là tóm kết về mười tên gọi nơi Thể Dụng”: Văn nơi bản Số giải gồm hai phần: Một: Giải thích văn. Hai: Từ câu: “Nhưng phần an trụ địa” tiếp xuống: Là phân biệt về pháp. Cũng là nhằm thông tỏ chỗ vấn nạn lần nữa. Phần này có hai: Một là: Nêu vấn nạn. Hai là: Từ câu: “Luận viết” tiếp xuống: Là dẫn Luận để đáp lại. Phần giải đáp gồm hai: Thứ nhất: Nêu dẫn Luận. Thứ hai: Từ câu: “Câu trước văn tóm lược” tiếp xuống: Là phần Số giải thích Luận. Trong Luận không có câu hỏi mà chỉ có sự phân biệt. Văn của Luận đầy đủ là: “Chỗ nêu bày ở trước gồm ba mươi câu. Từ “Tín tăng thượng ...” Cho đến thượng cầu thượng thượng thắng đạo đặc pháp của địa thanh tịnh. Nay, mười câu đây là từ Tín cho đến cúng dường chư

Phật.

Tận là chướng ngại pháp của địa thanh tịnh. Đó gọi là so sánh phần hơn của sự tu hành. Mà Đại sư Tuệ Viễn nói: Trước là đối tượng được làm tịnh, sáu là chủ thể làm tịnh. Ý nói: Địa trước, đầy đủ nên có thể làm thanh tịnh pháp này. Nếu là đối tượng được làm tịnh. Mười hành trong đây nếu không có pháp này thì thập Địa không thể viên mãn tột cùng, cho nên là chủ thể tịnh, chưa được thấu tỏ ý, không thuận theo Luận và Du già

Phần thứ ba là đối chiếu về Quả:

- Số câu: “Ba là biện minh về tính chất phân tề...”: Văn nơi phần Sơ giải gồm bốn: Một: Nếu tổng quát về tính chất phân tề (Hạn lượng, trình độ ...) Tức phân biệt về tu tập, chẳng phải là tu tập, vì tu vì báo quả đều là phân tề. Hai: Từ câu: “Tu tập Hành hóa tuy ở nơi” tiếp xuống: Là căn cứ nơi địa hiện có, trước sau cùng đối chiếu. Luận nói về “Phân tề” tức nơi hai nghĩa trên cho là biến khắp hay chẳng biến hiện khắp. Ba: Từ câu: “Lại, hai trước một sau” tiếp xuống: Là căn cứ nơi Có, Không để luận về tính chất “phân tề”. Bốn: Từ câu: “Thêm nữa, hai quả đều” tiếp xuống: Là căn cứ nơi quả của pháp để bàn về “Phân tề”. Ý này chính là Luận chủ nhằm để thông tỏ chỗ vướng mắc. Nghĩa là Pháp sư An Quốc cho rằng thấy sau của phần nói hai quả có văn kết liền cho rằng hai quả nói trước chỉ là pháp của địa, hai quả sau mới là pháp của quả, tức nêu ra tâm. Cho nên nay vì đó mà thông tỏ. Nghĩa là hai quả trước đều thông cả pháp và quả. Vì pháp dễ thấy nên sau có văn kết. Vì quả khó thấy nên Luận phán định thuộc quả. Từ câu “Không hiểu được ý này” tiếp xuống là trình bày phê phán ngài An quốc.

- Số câu: “Nay nói Pháp thân tức Pháp thân công đức”: “Phật địa” thì tất cả được gọi chung là Pháp thân. Do căn cứ nơi chỗ chứng đắc Như với mười đức thù thắng nên thấy Thân công đức. Lại căn cứ chỗ chứng đắc tận cùng của Như Lai, nên Pháp thân chân thật chẳng phải là Tướng của sự nhận thức.

- Số từ câu: “Lý thật hội nhập nơi biển cõi Hoa Tạng” tiếp xuống: Trên là căn cứ nơi chỗ dựa vào quả vị. Từ đây trở xuống là hiển bày nẻo Thật, tức ý trong phần Nguyện, Trí, Quả.

- Số câu: “Cũng gồm luôn việc cúng dường Tăng, lược không nói về Pháp”: Đã tự thân chứng đắc Như là sự cúng dường đích thực. Lại nữa sự luyện tập về Hành chân này là tu hành, tức cúng dường pháp rồi nên đã lược bớt, không nêu ra. Trong phần cúng dường Phật, văn của kinh dễ lãnh hội nên sơ không giải thích. Luận viết: Cúng dường

có ba loại: Một là cúng dường cung kính, tức là tán thán v.v... bày công đức của Phật. Hai là cúng dường tôn trọng, tức là lễ bái v.v... Ba là cúng dường phụng thí, là như dùng hoa hương v.v... tức là văn nói về “Y phục” tiếp xuống. Về Tâm lớn, Tâm sâu xa, tức là Tâm của chủ thể cúng dường. Nghĩa là mong cầu làm Phật nên gọi là Tâm lớn lao. Tâm ân cần, trân trọng nên gọi là “Tâm sâu xa”. Sở giải cho là đồng với Nguyên cúng dường trong phần đối chiếu về Nguyên nêu trên, nên đều lược bỏ không nêu.

- Sở câu: “Dứt trừ cấu uế thấp kém, tương đương với phần thứ ba nơi Luận”: Luận giải thích kinh cũng là phần thứ hai. Luận giải thích tức là phần thứ ba.

- Sở câu: “Ba là trong phần nói về Hành tướng của từng địa”: Gồm ba: Một: Chính thức biện minh. Hai: Từ câu: “Nếu chẳng như thế” tiếp xuống: Là chất vấn ngược lại để thành lập. Ba: Từ câu: “Là do Luận nêu đủ” tiếp xuống: Là biện minh tổng quát về nghĩa loại để xác nhận về lý đã nêu trước. Về phần năm căn cứ nơi tính chất viên dung: “Một gồm đủ tất cả” lại có ba nghĩa: Một: Căn cứ vào tính chất “Tương trợ”, thì nghĩa Bồ thí thân tóm sáu pháp kia. Hai: Căn cứ nơi tính chất “Tương ưng”, một niệm gồm đủ các pháp tu tập. Ba: Căn cứ nơi “Lý dung thông xướng hợp với Tánh thì “Một nhiều hỗ tương thuộc về lẫn nhau”.

- Sở câu: “Thâu gồm chung nơi ba Nhập”: Ở đây, chỗ luyện tập thanh tịnh có khởi đầu có chung cuộc. Thứ nhất: Chính là nêu rõ về sự luyện tập, tức là khởi đầu. Thứ hai: Nêu lên Hồi Hương là chủ thể tập luyện khiến thanh tịnh, tức là phần chung cuộc. Cho nên ở trước Luận chủ đã cho Hồi Hương ở nơi phần sau của hai Hành: Trước là nêu rõ Tự lợi, Lợi tha. Sau là nói về chỗ tăng tiến của Hồi Hương. Nói: “Tín v.v... là pháp tịnh dùng làm đối tượng được luyện tập”: Tức nơi phần tiếp sau, Luận viết: Tín v.v... là pháp thiện. Cũng như vàng ròng thường xuyên được tiếp cận với lửa...”.

- Sở từ câu: “Trong dụ thứ hai” tiếp xuống: Văn nơi phần Sở giải gồm hai: Một: Chính thức giải thích về dụ. Hai: Từ câu: “Tánh của vàng vốn có” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc về phần giải thích, xác nhận. Gồm hai chi tiết: Thứ nhất: Nêu vấn nạn. Thứ hai: Từ câu: “Tín v.v... có hai” tiếp xuống: Là giải thích. Phần giải thích gồm hai môn. Tín của hàng trước địa thì chẳng dụ cho vàng. Tín của bậc đã chứng đắc Như mới đem dụ cho vàng. Trong Như Lai Tạng bị “Hoặc” che phủ, như vàng nơi mỏ trong lòng đất. Sự thanh tịnh thứ nhất tức là vàng đã ra khỏi mỏ nơi lòng đất, ra khỏi đất hoàn toàn đều là nhập nơi Lửa.

- Số câu: “Hai pháp này chẳng là hai nên đều có thể dụ cho vàng”: Tức Chân tâm là Thể, cùng với Tướng của Tín v.v... chẳng khác. Lại không có hai, do trên Chân Tâm, đã lìa bỏ sự uế trước của “Chẳng tin”, nên gọi là Tín. Hai, ba là không có trái, hại tức là từ bi. Bốn là không có keo kiệt là bố thí. Năm là không có biếng trễ. Sáu là không có ngu tối. Bảy là kính trọng bậc hiền. Tám là luôn sợ tội ác. Chín là không có nguy khốn. Mười là không trái với giáo pháp của Phật. Nên mười Hành này chỉ là một Chân tâm nhưng là hai nghĩa. Do đó không có hai Thể, cùng là vốn có, nên có thể dụ cho vàng.

- Số câu: “Tuy nhờ nơi sự cúng dường tức do duyên tu để thành chân đức”: Nhưng nơi nghĩa thứ hai tự có hai nghĩa: Một là căn cứ nơi đối tượng được hiển bày là Tánh đức. Hai là căn cứ nơi chủ thể hiển bày là duyên tu thành đức. Như do biết tánh của pháp là không tham lam keo kiệt, nên tùy thuận theo đó tu tập, hành hóa pháp Bồ thí Ba-la-mật, nay thành “Đức của Đàn “. Khắc hợp với nẻo Thật để phân biệt, tức nghĩa thứ nhất có thể dùng để dụ cho Lửa. Là hành đối trị đối tượng được hiển bày dụ cho vàng. Thành đức như vàng của vật dụng để trang sức. Lại dung thông hai pháp sau để dụ nơi vàng, do đức nhân nơi chân dấy khởi, nên đồng với đối tượng được hiển bày. Vì thế gọi là: “Sau thành vật dụng để trang sức cũng chẳng khác với vàng”. Vật dụng để trang sức là dụ nơi địa sau. Diễn rộng như ở trước đã nêu. Vàng được nêu ra đều là vàng.

- Số từ câu: “Đã thấu rõ nơi Chân” tiếp xuống: Là lại dung hợp với nghĩa thứ nhất, cũng chẳng khác với vàng. Do trước hết vọng thức là Thể, nay, Chân Vọng đã kết hợp thấu triệt. Vọng do Chân sinh, nên Chân bao quát cả ngọn Vọng. Chân chẳng phải ngoài Vọng, tức Vọng thấu triệt nguồn Chân. Như thế thì không có chủ thể luyện tập, đối tượng được luyện tập, vì thế gọi là “Nhờ nơi Tướng để hiển bày Chân, nên mới phân ra chủ thể - đối tượng”. Thứ hai là phát khởi hướng tới Quả:

- Số câu: “Một là nêu vấn nạn về tăng tiến”: Tăng tiến trội hơn tuy hướng tới địa thứ hai, nhưng sự tu tập ở nơi địa thứ nhất, nên cũng có thể gọi là vấn nạn về địa thứ nhất.

- Số câu: “Gọi là Tướng sự đạt được Quả”: Tức là Tướng của pháp nơi đối tượng được chứng đắc. Văn nơi bản Số giải gồm ba: Một: Dựa nơi Luận để giải thích về Tướng. Hai: Nêu ra Thể. Ba: Lại hiển bày Thể của pháp.

- Số từ câu: “Tướng tức là Trí của phương tiện” tiếp xuống: Là số

giải nêu ra Thể. Tức giống với ba thứ lớp trong phần Như Lai gia hộ sự thỉnh cầu. Nói “Tướng của chủ thể quán, đối tượng được quán”: Tướng có hai nghĩa: Thứ nhất: Là Tướng sai biệt. Thứ hai: Có thể đạt đến chỗ Thật của địa nên gọi là Tướng. Tức là thứ lớp của Quán. Quán tức là nêu chương ngại để hiển bày tướng đối trị, tức chủ thể, đối tượng đều là Tướng. Hai là “Đạt được”, tức thứ lớp của sự chứng đắc. Ba là “Quả vị”, tức thứ lớp của sự tu hành.

- Sở từ câu: “Lại, ba phần ấy là” tiếp xuống: Là phần ba, lại hiển bày về Thể của pháp. Do chịu Căn bản trí thành hai đạo, nên không chọn lấy Gia hạnh. Nói: “Phần Gia hạnh của trên địa được thấu gồm nơi phần Tăng Tiến”: Như muốn nhập địa thứ hai phải dấy khởi mười thứ tâm. Đây tức là Gia hạnh, nhưng là sự tăng tiến của địa thứ nhất. Ý cho rằng: Sự tăng tiến đã cho là chỗ đạt được về sau này nên chẳng phải là phương tiện.

- Sở câu: “Nếu dựa theo ý của Luận”: Nay thì ý của phần Sở giải là nêu rõ tùy theo chỗ sai biệt của Trí nơi địa gọi là Pháp của địa. Mà Luận viết: “Thành tựu các pháp của địa, đó là Tín v.v...”. Trong phần thứ hai là “Tri”, văn nơi bản Sở giải gồm ba phần: Một: Lược nêu lên ý của kinh. Hai: Từ câu: “Luận thấu tóm mười câu” tiếp xuống: Là Luận giải thích. Ba: Dùng hỏi thấu nhiếp tri. Trong phần hai, nói “Thấu tóm mười câu làm năm phương tiện”: Tức thấu tóm: Một- hai, hai và ba, ba và bốn, bốn và năm, năm và một.

- Sở từ câu: “Hành hóa, tu tập khéo léo” tiếp xuống: Luận viết: “Khéo léo của sự thành hoại. Khéo léo của sự tăng trưởng”. Chẳng phải làm rõ chủ thể nhận biết là phương tiện. Năm thứ phương tiện này nơi các địa đều gồm đủ, mà tùy theo tướng để phân biệt. Thứ nhất ở trong “Giải Hành Vị”. Chứng đắc ở nơi địa thứ nhất. Tăng trưởng ở nơi địa thứ hai trở lên. Chẳng thối chuyển ở nơi địa thứ tám trở lên. Đạt tới chỗ tận cùng là địa thứ mười. Phương tiện tăng trưởng thứ ba cũng là sự thù thắng của thành đức nên sự tu tập, hành hóa chẳng chậm chạp, vướng mắc. Đầu, giữa và sau đều riêng nên có ba câu. Các câu còn lại có thể nhận biết.

- Sở từ câu: “Nếu dùng Tướng v.v...” tiếp xuống: Là phần ba, dùng câu hỏi để thấu tóm chỗ nhận biết. Gồm hai chi tiết: Một: Dùng câu hỏi nơi kinh để thấu tóm năm phần của Luận. Hai: Từ câu: “Như thấu tóm mười câu” tiếp xuống: Là dùng câu hỏi nơi kinh để thấu tóm chỗ nhận biết của kinh. Phần thứ ba: Thấu tóm quả Báo.

- Sở câu: “Một là Hành. Hai là Nguyện”: Tức Hành cũng tự phần,

Nguyện cũng tăng tiến.

- Sớ câu: “Nghĩa là, hoặc bố thí hoặc nhiếp phục”: Bố thí vốn chung cả hai Lợi. Nay theo bên Lợi tha mà nói.

Hỏi: Phần đầu của bốn Nhiếp pháp đã có Bố thí, thế sao phải nêu bày riêng nữa?

Đáp: Phần đáp có bốn ý: Thứ nhất: Bố thí gốc là Tự lợi. Nay Bồ tát hành khiến cho đối tượng bắt chước làm theo. Do xả bỏ tham lam keo kiệt nên được thâu tóm trong Lợi Tha. Bố thí ở đây toàn bộ là Lợi tha. Thứ hai: Bố thí nêu thẳng về Bố thí. Còn Bố thí trong bốn Nhiếp pháp mới là duyên của sự Nhiếp phục. Thứ ba: Bố thí thì chung cho ba Thí. Bố thí trong bốn Nhiếp pháp thì căn cứ nơi Tài thí. Pháp thí thì thuộc phần Ái ngữ. Thứ tư: Địa này chính là “Bố thí vị”. Do đó mà nêu riêng. Trong kinh thì trước là nêu rõ về Bố thí khắp; sau là, từ câu: “Luôn hành” tiếp xuống: Là nói về Bố thí thường xuyên.

- Sớ câu: Từ câu: “Như thế thì tất cả tiếp xuống: Là chẳng mất tự lợi”: Văn nơi phần Sớ giải gồm ba: Một: Giải thích tổng quát về ý của văn. Hai: Dẫn Luận để giải thích về ý kia. Ba: Chính thức giải thích văn.

- Sớ từ câu: “Nghĩa là trong Sự của Lợi Tha” tiếp xuống: Là phần hai, dẫn Luận để giải thích. Luận nói: “Chẳng lìa tức là việc thị hiện chẳng lìa lợi ích của tự mình. Như thế trong các sự niệm, hành trì xong rồi, trở thành sự cung kính lớn, trừ bỏ các vọng tưởng.

Giải thích: Do Luận khó lãnh hội nên phần Sớ giải đã gián tiếp giải thích. “Thành sự cung kính lớn” tức là chỗ niệm Phật v.v... “Dứt trừ các vọng tưởng” chính là nghĩa của Niệm. Là do ở trước nêu rõ về thí của tự lợi khiến các đối tượng diệt trừ keo kiệt. Nay biện minh về Hành của Lợi tha, chẳng mất tự lợi, đó là sự tu hành khéo léo của Bồ tát.

- Sớ từ câu: “Đối tượng được Niệm có mười” tiếp xuống: Là phần ba, giải thích văn. Mười Niệm này cũng tức là sáu Niệm như thường nói. ba Niệm đầu thì giống với ba niệm đầu nơi sáu niệm kia. Niệm bốn cũng là niệm Tăng, đây là Bồ tát Tăng, ba Niệm tiếp theo là Niệm về công đức, tức là Thí, Giới. Trong sáu Niệm (Phật, Pháp, Tăng, Thí, Giới, Thiên) đã lược bớt, chỉ nêu lên hai. Nay văn diễn rộng nên có đủ nơi các độ. Bốn Niệm sau là Niệm “Cầu nghĩa”, tức là Niệm Thiên, là Thiên của Đệ nhất nghĩa.

- Sớ câu: “Quang minh công đức”: Là Thể của Hành thanh tịnh, lìa mọi chướng ngại, cấu nhiễm.

- Sớ câu: “Phân biệt về nghĩa, pháp”: Tức dùng Từ và Biện giải

để phân biệt về nghĩa, pháp, cả hai không ngăn ngại.

- Sớ câu: “Tu hành tất chứng đắc. Thiền định là sự tảo tác thù thắng”: Tức dựa vào bốn Thiền và bốn định Không để phát khởi một trăm pháp Tam muội. Luận viết: “Một Niệm phát khởi một trăm pháp Tam muội, đạt được diệu lực nơi Tam muội”.

- Sớ câu: “Ý của Luận là chọn lấy thần lực ...”: Luận viết: “Do đạt được Tam muội, nên đối với chư Phật trong mười phương đều được sự gia hộ trong chỗ tu tập về trí tuệ của các Bồ tát”.

Giải thích: Cũng như Bồ tát Kim Cang Tạng vì các Bồ tát mà nói về thập Địa.

- Sớ câu: “Ba lợi tha tiếp theo có sự tỏ ngộ nơi căn cơ”: Tức: Một là đi đến cõi. Hai là ánh sáng. Ba là chính thức dùng pháp để trao truyền.

- Sớ câu: “Là Thật đức viên dung nên gọi là hơn hẳn đây”: Giải thích câu kinh: “Lại vượt hơn số này”. “Số lượng này” tức một trăm pháp Tam muội trong quả xuất gia đã nói ở trước. Luận giải thích kinh, trong phần này văn diễn rộng. Kinh viết: “Nguyện lực của Bồ tát thị hiện vượt khỏi các số đếm. Thị hiện đủ thứ loại thần thông như thân tướng, ánh sáng, thần thông, mắt nhìn, cảnh giới, hoặc âm thanh đi đến, trang nghiêm, gia hộ, tin tưởng, nghiệp dụng v.v... Các thứ thần thông ấy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na do tha kiếp cũng không thể tính biết”. Luận giải thích viết: “Ở trong thân là chỗ nương dựa căn bản của tất cả Bồ tát hạnh. Dựa nơi Thân ấy nên có ánh sáng cùng thần thông. Dựa nơi ánh sáng nên có Thiên nhãn. Do có Thiên nhãn nên trông thấy cảnh giới trước. Tất cả “Nhãn” có năm thứ. Cho nên biết là dựa nơi thần thông nên có âm thanh cùng các Hành, trang nghiêm, gia hộ. Âm thanh tức ứng hợp với ngôn thuyết kia. Hành là đến khắp mười phương. Trang nghiêm là tạo ra vô số sự ứng hiện. Gia hộ là thần lực gia hộ che chở. Tín là dựa nơi môn Tam muội để hiện rõ diệu lực của thần thông. Tuy theo chỗ tin của chúng sanh mà lợi ích được thành tựu. Nghiệp dụng tức dựa nơi Tuệ nhãn, là chỗ thu tóm các môn Đà la ni, hiện bày việc thuyết pháp. Cho nên lược nói về tất cả các địa đều có Nhân, Thể, Quả, Tướng, nên biết”.

Giải thích: Phần sau, tổng kết về Nhân, Thể, Quả, Tướng. Văn nơi bản Sớ giải đã giải thích đầy đủ. Do phần trước, kinh luận đều cùng dễ nhận thấy, giống như trước nói trăm thân với trăm pháp Tam muội, nên sớ không hiển bày.

- Địa thứ hai: là Ly Cấu Địa:

- Sở câu: “Sở dĩ nối tiếp” văn gồm hai phần: Một: Nêu dẫn Luận. Hai: Từ câu: “Nói là chánh vị” tiếp xuống: Là phần Sở giải thích. Nghĩa là dựa trên Kiến đạo mà có Tu đạo. Tu đạo là tu tập, hành hóa về ba Học. Trên là chính thức giải thích Luận. Sau, từ câu: “Địa trước tuy” tiếp xuống: Là giải đáp về chỗ vướng mắc. Vướng mắc nêu: “Địa thứ nhất há không có giới sao?”. Phần giải đáp ý có thể nhận biết.

- Sở từ câu: “Gọi là Ly Cấu “ tiếp xuống: Là phần hai, giải thích tên gọi. Gồm hai: Một: Nêu dẫn Luận Du Già. Hai: Từ câu: “Nghĩa là Tánh giới” tiếp xuống: Là phần Sở giải ngầm dẫn “Nhiếp Luận” của Bồ tát Thế Thân phẩm thứ bảy để giải thích Luận Du Già. Tức phân biệt chỗ kém, làm rõ chỗ hơn. Giải thích xác nhận câu trên “Xa lìa hết mực” chẳng ở nơi tác ý mà không nhầm lẫn. Nếu dẫn đủ về Luận Du Già tức nơi quyển bốn mươi lăm.

Luận viết: “Như thế là lược nói về “Tăng thượng giới trụ của Bồ tát”. Tức ý của kinh thanh tịnh. Tánh giới gồm đủ. Lìa toàn bộ các thứ cấu uế của sự phạm giới - Tất cả nẻo Nghiệp, hết thảy nhân quả đều thấu rõ, thông đạt”. Cho đến đoạn viết: Nếu nói rộng, như kinh Thập địa, phần Ly Cấu nêu bày. Ly cấu là do xa lìa tất cả sự cấu uế của sự phạm giới nên địa Ly Cấu ấy tức là Tăng thượng giới Trụ”.

Giải thích: Luận kia đã nêu rõ điều ấy nên dẫn phần Sở giải nơi Luận Duy Thức nói: “Giới Luật gồm đủ thanh tịnh” tức có hai ý: Thứ nhất: Cho là đầy đủ “Biệt giải thoát” và Định cộng, Đạo cộng giới. Tuy ở địa thứ ba, mới phát khởi sự tăng trưởng của định, nhưng khi có thể lìa bỏ lỗi lầm thì địa này đã gồm đủ, nên có Định cộng (chung). Thứ hai: Cho là, hoặc có Biệt giải thoát, cũng có thể hoàn toàn lìa chỗ dấy khởi tội về sau của căn bản Gia hạnh. Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa, tức nơi quyển thứ nhất, phẩm nhập sơ địa, trong phần giải thích tên gọi của địa.

- Sở từ câu: “Nói là Tà hạnh” tiếp xuống: Là phần ba, nói về đoạn trừ chướng. Tức văn nơi Luận Duy Thức. Gồm hai: Một: Đoạn trừ chướng. Hai: Đoạn trừ ngu trong chướng. Luận không giải thích tên gọi. Nhiếp Luận viết: “Nghĩa là ở nơi các cõi Thân tạo tác v.v... là chướng của Tà hạnh” ý nói: “Ba nghiệp nơi Thân v.v... có mười Hành ác gọi là chướng Tà hạnh. Từ câu: “Nghĩa là sở tri” tiếp xuống: Là nêu ra Thế. Nói “Sở tri” là phân biệt khác với phiền não. “Câu sinh” là làm rõ chỗ khác với phân biệt. Phân biệt thì nơi địa thứ nhất đã đoạn trừ hết. Một phần chỉ thuộc về chỗ đoạn trừ của địa này. Từ câu: “Có thể tạo chướng

ngại nơi hai địa” tiếp xuống: Luận nêu đầy đủ là: “Có thể gây chướng ngại nơi hai địa. Giới Luật hết mực thanh tịnh, khi vào địa thứ hai liền có thể đoạn trừ vĩnh viễn”.

Giải thích: Do dễ lãnh hội nên không hiển bày.

- Số từ câu: “Do địa thứ hai này” tiếp xuống: Là phần hai, đoạn trừ Ngu. Chia một chướng ở trên thành hai Ngu: Một: Ngu tức là hiện hành thô trọng. Hai: Là chủng tử Vô số các nghiệp hưởng tới ngu. Chê trách tức là tên gọi. Chẳng chọn lấy quả ác, há gọi là vô số nghiệp hưởng tới? Chẳng là một tức gọi là vô số thứ loại. Vô số chẳng phải là một, tức là chê trách. Luận lại giải thích: “Hoặc chỉ dấy khởi nghiệp, chẳng rõ chỗ ngu của nghiệp. Nghĩa là, một ngu trước là ngu của việc dấy khởi nghiệp. một ngu sau tức là chẳng rõ chỗ ngu của nghiệp, chẳng phải chỗ phát khởi nơi nghiệp. Hai chỗ sai trái ấy ắt có thể dấy khởi nghiệp, tức hai ngu kia toàn bộ là Ngu. Nếu theo các giải thích đây, thì một Ngu sau cũng là ngu về phẩm loại.

Hỏi: Sở tri chướng chẳng thể phát triển dồi dào, thế sao trong đó lại có thể phát khởi ba nghiệp?

Đáp: Luận Duy Thức quyển một nói: “Phiền não nối tiếp sinh khởi, tạo nên nghiệp phạm giới, chung cho cả sở tri chướng. Đây là căn cứ nơi chỗ nhầm lẫn mà phạm nên không có mâu thuẫn.

- Số từ câu: “Gọi là tối thắng” tiếp xuống: Là phần bốn: Chứng đắc Như. Giới là tối thắng. Do gồm đủ giới nên chứng đắc Như thù thắng, tối thượng. Nghĩa là lý của Như ấy là hơn hết, là thù thắng. Như nói về lia đục gọi là tối thắng.

- Từ câu: “Đây cũng là do chuyển hóa” tiếp xuống: Là ý của Sở giải thích, càng làm rõ tính chất thù thắng của Giới, nên Trí Luận quyển thứ nhất năm viết: “Trong bệnh ác lớn, Giới là thuốc hay. Trong sự sợ hãi lớn, Giới là sự giữ gìn che chở. Trong chỗ tối tăm ngu muội của sinh tử, Giới là ngọn đèn sáng. Ở nơi cõi dữ, Giới là vị tướng dũng mãnh. Nơi biển nước mênh mông của chốn sinh tử, Giới là chiếc thuyền lớn, nên gọi là tối thắng.” Phần còn lại như nơi Kinh Giới đã nêu.

- Số từ câu: “Là do thành tựu nơi” tiếp xuống: Là phần năm, nói về nẻo Hành thành tựu. Các Luận đều nêu giống nhau.

- Số từ câu: “Đạt được quả Bồ đề không gì hơn” tiếp xuống: Là phần sáu, nói về đắc quả. Giới, đối với thế gian là đạt được thân người, trời. Cho nên nơi xuất thế gian thì đạt được đạo quả Bồ đề. Từ câu: “Đều nhờ nơi Giới” tiếp xuống: Là tóm kết, chỉ rõ.

- Số từ câu: “Ba dụ không nhầm lẫn” tiếp xuống: Là Sở giải thích

chỗ nhận định của Luận.

- Số câu: “Mà trong chỗ nêu ra ở đoạn sau, câu chung cùng gọi là Trực Tâm”: Tức nơi kinh hiện tại nêu gọi là “Thâm tâm”. Câu chung cũng gọi như thế, nên biết nghĩa là một. Mà Số giải thích “Thâm tâm” cho là đã khế hợp một cách sâu xa với Sự, Lý. Nếu cho Thân tâm đồng với Trực tâm của Luận thì Trực tâm tức là chánh niệm của Chân như, nên khế hợp sâu xa với Lý. Như thuận theo Luận Khởi Tín thì Thâm tâm là ưa thích tu tập các hạnh thiện, tức là khế hợp với Sự. Hiển bày nghĩa bao hàm nên cùng giữ lấy cả Sự, Lý.

- Số câu: “Luận viết: Mười thứ Trực tâm”: Là Luận giải thích câu chung. Nói: “Tánh giới thành tựu”: Là bao quát chung về ba Tụ, đối riêng với Luật nghi. Từ câu: “Tùy chỗ ứng hợp mà tạo tác” tiếp xuống: Là nêu chung cho hai Tụ. “Tự nhiên mà hành hóa” là gồm luôn việc hiển bày nghĩa “Trực”.

- Số từ câu: “Nghĩa là phát khởi” tiếp xuống: Là Số giải thích chỗ Luận dẫn trên. Gồm ba: Một: Chính thức giải thích. Hai: Từ câu: “Nhưng Tánh Giới có hai” tiếp xuống: Là giải thích xác nhận nghĩa trên. Tánh giới của Chân như tức nghĩa thứ hai, thành tựu phần phát khởi tịnh trước đây, trong đó thuận theo tánh tịnh mà trì giới. Nghĩa thứ nhất là do tích tập lâu dần thành tánh, thành tựu phần trước đó tức là thành tựu tánh giới trong tự thể. Ba: Câu “Nay gọi là Như” tiếp xuống là cùng tóm kết hai nghĩa trên.

- Số từ câu: “Trong phần riêng, thứ nhất là bốn Luật nghi” tiếp xuống: Là giải thích về câu riêng. Gồm hai:

Một: Nhận định. Hai: Giải thích. Trong phần giải thích, nói “Mềm dịu” là dẫn ý của Luận Du Già. Đối với người khác tỏ ra mềm dịu khoan hòa là căn cứ trực tiếp nơi ý của Luận, là tự hòa dịu. Mềm dịu tức là vui mừng, là người giữ giới tâm không còn lo buồn hối tiếc nên sinh vui mừng, an lạc.

- Số câu: “Hai là có thể gắng nhận”: Là dựa nơi Tánh ấy để khéo giữ giới, là nghiệp thanh tịnh. Từ câu: “Phiền não, Ma sự” tiếp xuống: Là lìa nhân tạo nghiệp, đã lìa nhân lìa quả nên đối với những trường hợp khó giữ giới cũng có thể giữ được.

- Số từ câu: “Sở dĩ nga châu thảo hệ” tiếp xuống: Là xác nhận việc có thể giữ giới trong những trường hợp khó giữ. “Nga châu” (con ngỗng nuốt viên ngọc) tức nơi kinh A Súc Phật. Luận Trang Nghiêm kinh, quyển thứ mười có diễn rộng sự việc ấy. Nay sẽ lược nêu. Tức có một vị Tỳ kheo đi đếm hà người thợ chuyên làm đồ nữ trang. Ông ngày

chính là người lo việc khắc tạc ngọc cho nhà vua. Do vị Tỳ kheo mặc y màu đỏ, phản chiếu nơi viên ngọc giống cục thịt, nên có một con ngỗng nuốt viên ngọc ấy. Chủ nhà mất ngọc, chung quanh lại không có ai nên quả quyết là vị Tỳ kheo đã lấy trộm viên ngọc quý giá kia. Gạn hỏi, đáp là không. Bèn tra khảo. Vị Tỳ kheo biết rõ là ngỗng đã nuốt viên ngọc ấy, nhưng vì thương xót mạng sống của con vật mà im lặng, cam chịu khổ. Thân thể bị đánh, máu chảy xuống đất, con ngỗng đi đến rửa chỗ máu đọng, bị một gậy đập nhằm mà chết. Vị Tỳ kheo thấy thế liền nói: “Viên ngọc quý kia đã bị ngỗng nuốt”. Chủ nhà hối hận: “Sao thầy không sớm nói ra mà phải nhận lấy sự khổ cực như vậy?” Vị Tỳ kheo đáp: “Ngọc quý bị ngỗng nuốt, tôi vì giữ giới, thương xót mạng sống của ngỗng, nên đã im lặng cam chịu sự khổ sở này. Ngỗng nếu chẳng chết thì dù phải mất mạng tôi cũng không nói”. Chủ nhà bèn tâu lên vua sự việc vừa rồi, nhà vua càng thêm kính trọng vị Tỳ kheo kia...

- Nói “Thảo hệ” (Dùng cỏ trói lại): Tức cũng nơi Luận ấy, quyển thứ ba, có các vị Tỳ kheo hành hóa đến một nơi chốn đồng không mông quạnh bị đám giặc cướp lấy hết toàn bộ y phục. Bọn giặc cùng bàn với nhau, sợ báo cho vua biết, nên cùng muốn giết hết các vị Tỳ kheo kia. Trong đám có một tên giặc nói với đồng bọn: Chẳng cần phải giết, pháp của Tỳ kheo là không gây tổn hại cho cỏ cây, nên có thể dùng cỏ trói họ lại, tất chẳng có ai đi cáo vua đâu. Đám giặc nghe theo. Các vị Tỳ kheo bị trói, y phục đã không, rồi gió thổi, ánh nắng mặt trời thiêu đốt, ruồi, muỗi, lằn bọ v.v... tím đến bu chích, rúc rủa. Đêm tối lại nghe tiếng của loài thú dữ, chim dữ. Vị Tỳ kheo trưởng lão khuyên nhủ các Tỳ kheo trẻ: Mạng người là vô thường, nên thấy đều sẽ chết. Nay chớ nên bỏ giới! lại nói kệ:

*“Long vương Y-la-bát
Do thầy phạm giới cấm
Tổn hại nơi cỏ cây
Mạng chung đọa loài rồng
Chư Phật chẳng thọ ký
Khi được khỏi kiếp Rồng
Gắng kiên trì giới cấm
Việc ấy là rất khó.”*

Các vị Tỳ kheo nghe kệ xong thấy đều tự cùng khuyên nhủ, chỉ dạy nhau ... Tối sáng hôm sau, quốc vương đi săn tới vùng ấy. Đầu tiên, nghi ngờ là cầm thú, lại cho là đám Ni kiên. Kịp đến hỏi han, đều nói đầy đủ sự việc là vì giữ gìn giới. Tâm nhà vua rất hoan hỷ, truyền lệnh

cởi trói, hết lời tán dương... “Tỳ kheo Hải bản” đồng với chỗ nói của sách này. Hai câu trên đây tức là Thể của sự hành hóa. Hai câu sau là sự tu tập hành trì. Ba là “Giữ gìn căn môn” là phương tiện của sự tu tập. Bốn là “Tịch tĩnh”: Tức hành trì thành tựu, lìa mọi lỗi lầm, thuận nẻo tịch diệt. “Giữ gìn căn môn” thì trước đã nêu dẫn rộng. “Hành trì thành tựu, lìa mọi lỗi lầm”, chẳng còn thấy có chủ thể giữ giới, đối tượng được giữ giới, thấu rõ giới như hư không là thuận theo nẻo tịch diệt.

- Sớ từ câu: “Năm là thuần thiện” tiếp xuống: Là phần Nhiếp Thiện tiếp theo ở trong ba Tự:

Thứ nhất: Tự phần Nhiếp thiện các pháp Bồ đề phần. Thứ hai: Trên là nhiếp thâm phần thiện của Phật.

- Nói “Như vàng ròng” tức tuy bị nung luyện mà tư chất thuần không giảm.

- Câu sau là lìa lỗi lầm.

Lại nữa, câu đầu là nói chung về Nhiếp thiện Bồ đề phần. Câu tiếp theo là nói riêng về Giới thiện. Câu sau là cũng chung cho việc lìa lỗi lầm.

- Câu Bảy là: “Há các nơi chốn có thế lực thì nên từ bỏ, không chút luyến tiếc” chính là ý của Luận.

- Từ câu: “Chẳng giống với Nan đà” tiếp xuống: Là lược nêu chỗ sai lầm của Giới đối với Thiện. Theo đó nhận biết các nơi có thế lực cũng nhân nơi chỗ đạt đến của Bồ thí v.v...

Hai câu tám, chín nêu rõ về việc đem lại lợi ích, (Tự Nhiêu ích hữu tình giới) trong đó câu trước là làm sáng tỏ về Bi, chính là để biện minh việc đem lại lợi ích. Câu sau là trí dẫn dắt mới không có “Ái kiến”. * Thứ hai là tự Thể là thanh tịnh, văn nơi phần Sớ giải gồm bốn:

Một: Nhận xét chung.

Hai: Thâu tóm về quả vị.

Ba: Phân biệt nhận định.

Bốn: Giải thích văn.

Một: Luật là pháp. Nghi tức là Nghi thức, phép tắc phải tuân giữ. Lìa các thứ lỗi lầm xấu ác, chẳng trái với pháp đã định rõ, nên Luận gọi là “Sự xa lìa thanh tịnh “. Luận có hai tên gọi:

Thứ nhất gọi là “Ly Giới”. Tức nơi phần sau, giải thích về môn thứ nhất xong, nói: “Cũng gọi là “Chánh thọ tịnh”. Thọ tức là môn thọ giới pháp. Ly tức là Hành tương theo Giới. Mười Giới như chẳng sát sinh v.v... thuận theo lợi ích gọi là Thiện. Cần hy vọng nơi chính mình gọi là Nhiếp (Gồm thâu). Lìa mọi lỗi lầm xấu ác gọi là “Nhiếp Thiện

giới”. Gồm luôn việc cứu giúp chúng sinh thì gọi là “Nhiều ích chúng sinh”. Lợi ích mà lìa bỏ lỗi lầm gọi là “Nhiều ích giới”.

- Sở từ câu: “Ba Tụ giới này” tiếp xuống: Là phần hai, thâm tóm quả vị, có thể nhận biết.

- Sở từ câu: “Luật nghi chung cho cả Chỉ, Tác” tiếp xuống: Là phần ba, nhận xét, phân biệt. Gồm hai chi tiết:

Một: Phân biệt chung về ba Tụ. Hai tụ trước là tự lợi, một tụ sau là lợi tha. Trong phần trước, Luật nghi tức là dừng Ác. Nhiếp thiện tức là hành Thiện.

Hai: Từ câu: “Lại, trong phần một Luật nghi” tiếp xuống: Là chỉ phân biệt về hai Tụ đầu. Do hai tụ đầu xen lẫn nhau. Phần này gồm hai:

1) Chính thức phân biệt.

2) Lần lượt giải thích chỗ vướng mắc. Nay nói về phần một, cũng là thông tỏ chỗ vấn nạn. Vấn nạn nêu: Trong Luật nghi đã có Chỉ, Tác. Chỉ tức là dừng Ác. Tác tức là hành thiện. Tác đồng với “Nhiếp thiện”. Vậy sao nói Luật nghi chỉ nêu rõ về Chỉ Ác? Do đó mà có giải đáp này, đều là ý của Bách Luận. Nghĩa là phần đầu của Luận là ngoại đạo hỏi: “Phật nói pháp gì? Đáp: Pháp dừng Ác, hành thiện. Giải thích rằng: Các việc ác như sát sinh, được dừng hẳn. Không làm gọi là dừng Ác, ba nghiệp hành đúng, tin thọ tu tập gọi là hành thiện Ngoại đạo nhân đó xác lập lỗi trùng lập của phần sau. Nghĩa là: Đã nói dừng Ác, không nên lại nói hành Thiện. Luận chủ đáp: Bồ thí v.v... là hành Thiện không phải việc dừng Ác. Như Đại Bồ tát trước đã dừng Ác, sau hành bốn vô lượng tâm thương xót chúng sinh, lại còn dừng Ác gì nữa! Ngoại đạo lại hỏi: Bồ thí là dừng sự keo sến, nên bỏ thế cũng dừng pháp Ác. luận chủ đáp: Không đúng! Nếu bồ thí lại là dừng Ác, thì những người không bồ thí thủy nên có tội. Giải thích: Đây là cách trả lời ngược lại câu hỏi để nêu rõ Bồ thí không phải là dừng ác. Nay ngược lại là thuận theo dùng để làm rõ nghĩa, không Bồ thí. Nhẫn nhục mà không có tội. Lại trong Luật nghi tác nghĩa là Tri y, thuyết tịnh v.v... không tác là có tội, không phải là Bồ thí, Nhẫn nhục v.v... cho nên không đồng.

- Sở từ câu: “Như thế thì” tiếp xuống: Là phần hai, lần lượt thông tỏ chỗ vấn nạn. Giải thích để xác nhận nghĩa trước. Gồm hai: Một là nêu vấn nạn. Hai là để giải đáp. Vấn nạn thứ nhất cũng là ý trong Bách Luận. Ngoại đạo nói: “Đã nói Hành thiện thì chẳng cần nói thêm về dừng ác”. Luận chủ nêu tướng: “Chỉ là dừng, tướng Hành là làm, hai thứ trái ngược nhau. Do đó nói Hành thiện chẳng thâm tóm dừng ác...”

Ngoại đạo nói: Sự ấy thật như vậy, tôi không nói dừng Ác không nói dừng Ác và hành Thiện là một tướng, nhưng nên dừng Ác tức là hành Thiện. Cho nên nói hành Thiện thì không nên lại nói dừng Ác?

Giải thích: Đây chính là đồng với kinh hiện tại. Sát sinh tức là Ác. Lìa bỏ sát sinh gọi là Thiện. Cho nên trong Luật nghi cũng nói lìa bỏ sát sinh v.v... Lại trong “Nhiếp Luận giới” cũng nói chẳng sát sinh v.v... Cho nên hai thứ là khó phân biệt.

- Số từ câu: “Các giải thích từ xưa” tiếp xuống: Là giải đáp. Gồm hai phần:

Một: Nêu ra các giải đáp đã có từ trước. Về giải đáp thứ hai cũng có ý trong Bách Luận. Chỗ dẫn ở trước nói về Bồ thí là pháp dừng dứt sự keo sền. Trong giải đáp phần sau nhận định: “Lại nữa, những người đã dứt sạch các lậu, tham lam keo sền đã dứt hết thì khi Bồ thí là dừng dứt ác gì? Hoặc có người tuy hành bồ thí mà tâm keo kiệt không dứt, giả như lại có thể dứt, rõ ràng là do hành thiện làm gốc. Do đó, Bồ thí là Hành thiện”.

Giải thích: Ở đây ý của Luận nêu rõ Bồ thí tuy có “Dừng ác”, nhưng lấy “Hành thiện” là tông chỉ. Luật nghi tuy có Tác Trì, nhưng lấy “Dừng ác” làm tông chỉ. Đây là căn cứ vừa chánh vừa trợ giúp để phân làm hai Tụ.

- Số từ câu: “Nay lại nêu một cách giải thích” tiếp xuống: Là phần hai, bàn rộng về chỗ giải thích theo hiện nay. Chẳng phải là phê phán các giải thích xưa, mà chỉ là hỗ trợ để thành đặc điểm riêng. Đại thể là giống với nghĩa sau, nơi văn dễ thấy rõ.

- Số câu: Câu “Nay phần Luật nghi thứ nhất tiếp xuống là phần thứ tư giải thích văn.

- Số từ câu: “Nay ở trên địa mới hành mười Thiện”: Nhưng mười Thiện là chung cho cả Phật. Ở đây không nêu ra chỗ sai biệt nói về Nhân của cõi trời, người. Cho nên nay chỗ sau xa, huyền diệu là không hợp với Hành ở đây. Lại, trong Thiện ấy thì trước là lìa bỏ sát sinh. Nhưng theo Tiểu thừa thì bốn Giới trọng, giới dâm là đứng đầu. Do có ba nghĩa:

Một: Giới này con người ưa thích phạm.

Hai: Từ kiếp sơ dấy khởi lỗi lầm thì dâm là trước tiên. Ba Giới còn lại cũng đều là thứ lớp.

Ba: Dâm, Ái, Hoặc - Nghiệp, nhận lấy sự tăng thêm sinh tử. Hàng nhị thừa vốn chán lìa nên chế ra ở trước hết. Nay thì mười Thiện mười Ác, mười Giới trọng của Bồ tát đều cho sát sinh là đứng đầu. Vì tội sát

sinh là quá nặng, ở thiện hay ác đều đứng đầu. Bồ tát với tâm đại bi nên cho sát sinh ở nơi vị trí đầu trong mười Giới trọng. Lại như Luận Đại Trí Độ, trong quyển thứ mười ba đã nói rõ sát sinh có mười Ác điều dữ phải chịu: 1) Tâm thường ôm lòng oán độc, đời đời chẳng dứt. 2) Chúng sinh chán ghét, mắt không muốn nhìn. 3) Thường nhớ nghĩ điều ác, suy nghĩ việc ác. 4) Chúng sinh thấy mình như thấy rắn hổ. 5) Khi ngủ tâm sợ sệt, thức dậy chẳng an. 6) Thường bị ác mộng. 7) Mệnh chung sợ hãi cùng loạn chết dữ. 8) Gieo nhân duyên nghiệp ác yếu mang. 9) Thân loại mạng chung, đoạn trong địa ngục. 10) Nếu được làm người, tuổi thọ vắn số.

Giải thích: Nay chỉ lìa bỏ sát sinh thì mười điều dữ kia liền mất. Do đó Đại Luận viết: “Xa lìa tất cả mọi sát sinh là hiện rõ lợi ích thù thắng của việc xa lìa.”

- Số câu: “Hai là lìa nhân tạo sự dấy khởi”: Tức về chỗ thọ nhận nhân sự nuôi dưỡng. Nuôi dưỡng tức là Hành sát sinh, là nhận lấy nhân nuôi dưỡng. Có, chưa hẳn đã sát sinh, đây tức còn xa, nên gọi là duyên. Do nơi các Hoặc như Tham v.v... Dấy khởi sát sinh, tức là gần, nên gọi là Nhân.

- Số câu: “Hai là tham lam nơi chúng sinh”: Trước tức tham nơi của cải, tài sản. Còn đây thì tham vị thường thức.

- Nói “Nay có lòng nhân nên thương xót”: Tức nơi sách thế gian nói: Thương xót, chẳng giết hại là nhân. Kinh giải thích chữ Nhân là “Tự tha thứ làm dụ”. Đây là giải thích chữ “Thứ”, tức nơi kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ mười, có câu:

*“Thả đều sợ đao gậy
Ai cũng quý mạng mình
Tự tha thứ làm dụ
Chớ giết hại đánh đập”.*

- Số câu: “Hai là sự xa lìa của đối trị”: Văn nơi bản Số giải gồm hai:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Phân biệt tránh sự lẫn lộn.

- Nay nói về phần một: Nói “Sát sinh để cúng tế”: Cũng là văn của Bách Luận. Luận ấy, nhân thuyết minh về nghĩa “Xả bỏ tội phước”, dùng phước xả bỏ tội, dùng Trí vô tướng để xả bỏ phước, hàng ngoại đạo bèn biện hộ. Phước là thường hằng, không có nhân duyên xả bỏ vì thế không nên xả. Giải thích: Do phần trước, Bồ tát nói xả nhân phước, vì khi phước diệt là khổ, vì thế nên xả. Ngoại đạo bèn nói: Ta có phước

thường thì không có nhân diệt, vì thế không nên xả. Thế nào là phước thường? Kia nói: Như kinh nói: Có thể làm ngựa tể cúng, người đó vượt qua được suy yếu già chết phước báo thường, chỗ sinh ra cũng thường, phước ấy không nên bỏ. Giải thích: Nay chỉ là chính sự ngu si của họ mà nêu ra lỗi lầm. Phân biệt khác nói là chẳng đồng. Luận kia mở rộng phá kiến giải của họ, nói phước không có thường hằng, nên, kiến giải của ngoại đạo là ngu si tà kiến.

- Số từ câu: “Trong đó, ích lợi của từ bi” tiếp xuống: Là phần hai, phân biệt để tránh sự lẫn lộn. Gồm hai:

Một là: Chính thức phân biệt, để hiển bày chỗ lia bỏ của Nhân Quả. Đây là “Y chủ thích”, còn nay là “Trì nghiệp thích”.

Hai là: Từ câu: “Như thế thì” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc. Trước là nêu lên chỗ vướng mắc. Từ câu: “Trước là căn cứ nơi vốn có” tiếp xuống: Là giải thích.

- Số câu: “Ba là chỗ xa lia của Quả hành”: Gồm hai:

Một: Giải thích tóm lược về văn.

Hai: Từ câu: “Trong phần thô, thành sát sinh...” tiếp xuống: Là nêu rõ gồm đủ duyên mới thành sát sinh. Phần này gồm ba chi tiết:

Một là: Dựa nơi Luận gốc để chính thức giải thích.

Hai là: Từ câu: “Nhưng Luận Tạp Tập” tiếp xuống: Là dẫn Luận khác để kết hợp, thông tỏ.

Ba là: Từ câu: “Lại, cảnh, tướng” tiếp xuống: Là chỉ rõ chỗ diễn rộng ở nơi khác.

- Nay nêu chi tiết một: Nói: “Bốn là Hành v.v...”: Tư tức là ý nghiệp, là Thể của Hành. Nói “Phân biệt với sự nhầm lẫn”: Hai cảnh khó phân biệt gọi là Thác (lẫn lộn). Một cảnh dễ quyết đoán gọi là Ngộ (nhầm lẫn). Ví như hai người đều đứng song song. Vốn ý niệm muốn giết người bên Đông, nhưng dao lại đến người bên Tây tức gọi là Thác. Hoặc muốn giết người họ Trương, người họ Vương đến thay thế. Hoặc ở chỗ tối tăm hoặc không thấy xác thực, giết người họ Trương, gọi là ngộ sát. Vốn chặt phá loài phi tình và cũng muốn sát hại súc sinh, nhưng lầm lẫn hại người, cũng không thành nghiệp, rốt cùng của sự mất.

Nhưng chúng sinh nhận lấy năm ấm thành chúng sinh giả danh. Niệm niệm sinh diệt, trước diệt sau tiếp, chẳng phải là đoạn, chẳng phải là thường, giả lập mạng căn, khiến cho Sắc - Tâm kia có được sự kết hợp tương tục mà cũng sinh diệt trong từng sát na: Niệm trước đã diệt, niệm sau liền sinh. Đoạn trừ khiến chẳng còn nối tiếp gọi là “Sát sinh”, cũng gọi là đoạn trừ thân mạng. Đối với trước chưa đoạn trừ gọi “Là rất

cùng của sự mất”. Cho nên phần tiếp sau, Sớ viết: “Phân biệt với bốn phần trước cho là phương tiện”. Hai đoạn còn lại có thể nhận biết.

- Sớ câu: “Một là trong Tâm đủ, dừng, tức là lia nhân dấy khởi”: Tâm đủ tức là không tham, nên nêu dẫn hàng sĩ liêm chính. Sách Thượng Thư viết: Kẻ sĩ liêm chính chẳng phải là không yêu thích của cải, nhưng từ bỏ nó là vì nghĩa”. Ý nói: “Đấy là không tham điều phi lý”. Sách Văn Tuyển nói: “Khát chẳng uống trộm nước suối. Nóng, chẳng dừng nơi bóng cây xấu ác. Cây xấu ác há chẳng có bóng mát? Chính là chí nơi kẻ sĩ vốn luôn luyện tâm”.

- Sớ câu: “Hai là địa này gồm đủ tài sản vô tận”: Từ địa thứ nhất trở đi pháp Bố thí Ba-la-mật đã viên mãn, tức gồm đủ “Tài sản vô tận”. Do đó, địa này cũng gồm đủ. Từ câu: “Nhưng trong sát sinh” tiếp xuống: Là đối chiếu với trước để nhận xét, phân biệt.

- Sớ câu: “Hai là chỗ lia của đối trị”: Từ tức là đem lại sự an lạc. Luận viết: “Đối trị, tức là Bố thí”. Sớ giải thích: “Tức ở nơi tài sản của chính mình hãy còn xả bỏ để đem lại sự an lạc cho kẻ kia”. “Tự tha thứ làm dụ”: “Ta bị kẻ khác trộm nên sầu lo trăm mối, tức du nơi người khác cũng đồng với chỗ sầu khổ của ta”. Nói “Kẻ khác có hai nghĩa”: Nghĩa ấ có hai, nhưng Luận giải thích kinh chỉ viết: “Chẳng hủy hoại tài sản của kẻ khác”. Luận nói: “Do chẳng tham nên không hủy hoại vật dụng, tài sản của vị lai”. Vì “kẻ khác” dễ lãnh hội nên Luận không giải thích.

- Sớ câu: “Ba là sự lia bỏ của Quả Hành”: Văn gồm ba:

Một: Phân rõ Thân, Tế.

Hai: Từ câu: “Nhưng văn gộp chung làm” tiếp xuống: Là nêu đủ duyên mới thành sai phạm.

Ba: Đối chiếu để làm rõ chỗ sai biệt. Nơi phần hai, các nơi khác cũng chỉ nêu bốn duyên. Nay chia một duyên nêu tổng quát về kẻ khác ấy thành hai duyên đầu. “Thân” là phân biệt với tự thân, lấy vật của Tự Thân chẳng là trộm. “Sự” là phân biệt với vô tình, chính là chỗ dùng của kẻ khác. Tuy chẳng phải là vật của ta, nhưng kẻ khác cũng chẳng thấu nhận, thì cũng chẳng phải là trộm, nên như vật không chủ. “Tưởng” tức biết là vật của kẻ khác. “Hành” tức là Tâm tư duy.

- Nói “Chuyển hóa, rốt cuộc là Tâm chẳng trộm”: Do nói “Tâm trộm nên lấy”. Nếu không có Tâm trộm thì tuy biết là vật của kẻ khác mà tạm thời lấy dùng. Hoặc đồng ý lấy, hoặc định lấy mà khiến cho kẻ khác biết, đều chẳng phải là trộm.

- Câu: “Năm là Thể, tức nêu lên chỗ gốc của sự xa lia”: Đây là

“Nghịch trộm - cứu cánh”, tức hiển bày bốn phần trước là phương tiện. Cũng là thời phần của nghịch được thành, như giết là phải đoạn dứt mạng sống không còn tiếp tục, dâm phải cùng với cảnh kết hợp, trộm phải nhắc vật lìa không chỗ cũ. Ví như vật ở trên giường tay cầm vật ấy, tuy có kết hợp cùng với cảnh nhưng chưa gọi là trộm. Cần phải nhắc vật rời khỏi giường, giả như lúc ấy không phải là lấy, cũng đã tạo thành nghịch trộm rồi.

- Số từ câu: “Sát sinh, dâm nơi kẻ khác” tiếp xuống: Là phần ba, đối chiếu để làm rõ chỗ sai biệt.

Một là, đối chiếu sát sinh, dâm để biện giải về sự thô, tế.

Hai là, Từ câu: “Sát sinh có nhiều loại” tiếp xuống: Là chỉ đối chiếu nơi sát sinh để hiển bày đủ duyên. “Chỗ khác biệt nơi chốn” tức hiển bày trong “Trộm” là chung nơi thô, tế, dùng biện giải về “Gồm đủ duyên”.

- Số câu: “Một là trong tâm biết đủ là lìa nhân của chỗ dấy khởi”: Nhân của chỗ dấy khởi tức là Tham. Tâm Tham khó đủ nên thành Tà dâm. “Hai là tự biết đủ về Vợ, Sắc, là lìa nhân của sự nuôi nhận”: Do chẳng biết đủ nơi Vợ mới có hạnh tà. Tự biết đủ nên không. Tức chữ đầy “đủ” có hai cách dùng:

Một: Chỉ dùng cho “Biết đủ” thuộc nơi Tâm.

Hai: Liên hệ với phần trên, tự biết đủ về “vợ” nên lìa nhân “nuôi nhận”.

- Số từ câu: “Tấn dịch cùng Luận giải thích kinh” tiếp xuống: Là lãnh hội chung về hai kinh. “Tự biết đủ chính là do v.v...”: Là xác nhận nghĩa nơi hai kinh kia, nêu rõ từ địa thứ nhất trở lên không gì là không phạm hạnh. Song do nhờ nơi “Báo” mà chỉ rõ là có mà thôi. Không có theo sự tức hiển bày tự biết đủ về vợ, sắc đẹp. Câu “Biết đủ” dường như không thỏa đáng hết, vì chỉ phân biệt với sự dâm dật quá độ. Cho nên nói: Biết đủ không trở ngại theo sự. Từ câu: “Biết đủ là căn cứ nơi Tâm cũng chẳng phương hại đến phạm hạnh” tiếp xuống: Là hiển bày ý của kinh hiện tại. Vì có câu “Biết đủ” nên có sự lìa bỏ nhân dấy khởi, nghĩa là không có Tâm tham, đó gọi là “Tự biết đủ”, là chỉ lìa bỏ nhân “Nuôi nhận”. “Cũng chẳng phương hại đến phạm hạnh” Tức chỉ nêu rõ chỗ biết đủ trong Tâm, chẳng phải là nơi sự. “Biết đủ” nêu trên chính là đồng với kinh Tịnh Danh nói “Thị hiện có vợ con mà thường tu phạm hạnh”. Tức là sự vi diệu của từ ngữ “Biết đủ”. Trái lại, hiển bày chữ “Tự biết đủ” thì chưa có tướng phạm hạnh.

- Số câu: “Phạm hạnh hiện tại là thanh tịnh, nên không cầu vợ,

sắc của vị lai”: Kinh nói: “Cầu năm dục của cõi Trời mà tu phạm hạnh” gọi là phạm hạnh bị cấu uest...”

- Sớ câu: “Người nữa của người khác bảo hộ “Giữ gìn”. Đây là câu chung nghĩa là câu trên nói “Lấy thê thiếp của người khác” câu dưới “Lấy có sự cưới gã trong thân tộc xác định” Nên trong đó một câu là nói chung sự bất chính. Cùng bảo hộ tức là nhiều người bảo hộ. Nhưng người nữ có ba điều theo: (Tam tông): 1) Ở nhà theo cha. 2) Xuất giá phụ thuộc chồng. 3) Chồng mất phụ thuộc vào con. Ví như cả ba đều không có, thì được dòng họ bảo bọc. Nói con tức là cùng với cháu. Nói “Cưới gã xác định” tức nói chung có sự mai mối, được làm vợ chính thức. Trên nói: “Lục thân” tức sáu người thân gồm: Cha, mẹ, vợ chồng, anh, em ruột.

- Sớ câu: “Hai là hoàn toàn, gọi là Cụ túc v.v...”: Chữ đẳng (v.v...) là chỉ cho nửa giới, mười giới, năm giới. Do là “Trọn đời” nên được gọi là “Hoàn toàn”.

- Sớ từ câu: “Do cảnh của dâm kia” tiếp xuống: Là hiển bày lý do không gồm đủ duyên. Nói “Không có tưởng nghi”, nghĩa là không có tưởng người, không phải người, tưởng đạo không phải đạo (loài) và cùng sanh nghi. Chỉ cùng kết hợp với cảnh đều gọi là phạm.

- Sớ câu: “Căn cứ nơi tà dâm mà nói”: Là nêu vấn nạn, giải đáp, Hỏi: Trong bốn giới trong, thì cảnh dâm kết hợp liền phạm nên không có tưởng nghi. Giới tà dâm há không có tưởng nghi? Nghĩa là cho rằng, vợ của người khác tưởng là vợ của mình, vợ của mình tưởng là vợ người khác cho đến cả hai đều sinh nghi há đều là phạm ư? Nên, nay làm rõ Bồ tát, đối với vợ của chính mình quyết tu phạm hạnh, nên không ở nơi tà dâm mà nói gồm đủ duyên.

- Sớ câu: “Trái với Tưởng, với Tâm”: Giả như trái với cảnh nhưng nếu thuận với Tâm thì chẳng gọi là Vọng. (Giả)

- Sớ câu: “Không có tham v.v... riêng để làm nhân khác”: Tham, sân đối chiếu với sát sinh v.v... tức là nhân khác. Nay, đối trá người khác Tâm tư duy tức là Tham v.v... Cho nên không lìa ngoài tư duy mà có riêng nhân khác.

- Sớ từ câu: “Nên ba nghiệp nơi Thân đều gồm đủ ba Là” tiếp xuống: Là phân biệt chung về ba nghiệp. Đây đều là ý của Luận. Nhưng về Tham v.v... là dùng chung cho cả bảy chi, mà là nhân. Nhân của ba nghiệp nơi Thân cũng dùng Tâm tư duy mà chỗ dây khởi thì có khó, dễ. Luận đã vì đấy mà giải thích. Cho nên biết về nhân dấy khởi tự có hai thứ là Gần và Xa. Nghiệp nơi Thân khó dấy khởi, nên nêu rõ Tham

v.v... Dùng làm nhân xa. Tâm tư duy kia ẩn giấu là nhân gần. Nghiệp nơi miệng dễ phát khởi, chỉ làm sáng rõ Tâm tư duy để tạo nhân gần. Tham v.v... Được ẩn giấu là nhân xa. Vì thế không biện minh về sự lìa bỏ nhân. Lại, như có người trước tham lam về tài sản, sắc đẹp, sau dùng Tâm tư duy để dấy khởi Vọng ngữ. Đây tức là Tham v.v... Được xem là nhân của sự dấy khởi. Tức Vọng ngữ phần nhiều do nơi Tham. Ác khẩu, Ly gián phần nhiều nhân nơi Sân Si. Lại nữa, như thê thiếp, tài sản, do chẳng đủ mà thực hành dâm, trộm. Cho nên biết cũng có trường hợp do chẳng đủ tài sản mà làm việc vọng ngữ. Sách ngoài có câu: “Nghèo chẳng cùng với “Vô tín” hện, mà “Vô tín” tự đến. Đây tức cũng có thọ nhận nhân của sự nuôi chứa. Cho nên biết Luận chủ đã thuận theo văn của kinh để tóm lược. Lại theo chỗ khó, dễ dàng nhiều phần để nói về Thân gồm đủ “Ba lìa”, bốn nghiệp nơi miệng chỉ có hai.

- Sở từ câu: “Nghĩa là phần Sự của Tâm tuy thật” tiếp xuống: Là Sở giải thích phần Luận nêu trên. Cho rằng lúc đó nói ra e rằng quá lạm, nói không đúng thời cơ cũng gọi là nói thêu dệt. Nay nói rõ ngược lại tuy cùng đúng gặp thời cơ, nhưng làm người khác, cho nên ý nghĩa không đồng. Vì thế, làm rõ tương đó.

- Sở câu: “Dùng Tế để đối chiếu với Thô”: Tế thuộc nơi Tâm. Hàng Thanh văn không chế đặt. Nay, Bồ tát là “không tâm” nên nơi mộng cũng chẳng vọng.

- Sở câu: “Câu ấy là lời nói che giấu”: Phần này suy xét kỹ là có thể nhận biết.

- Sở câu: “Tức chẳng hành (hiện hành) hủy hoại. Đây chính là căn cứ nơi tâm”: Nghĩa là nếu có tâm ly gián, thì phát khởi lời nói tức thành ly gián. Nay không có tâm ấy nên không có lỗi lầm của sự ly gián. Không có tâm ly gián tức là sự đối trị ly gián. Nhưng Luận nêu lên: “Một là “Đối trị ly”. Hai là “Quả Hành ly”. Xong, liền giải thích: “Đối trị ly tức là không hành hủy hoại hành”. “Một là Tâm. Hai là sai biệt”. Xem qua văn này tức giống như Luận chủ đã căn cứ trong “Đối trị ly” phân ra tâm và sai biệt. Rõ ràng ý của ly là khó giải thích, nên đã giải thích Luận chủ dùng Đối trị riêng: “Tức là chẳng hủy hoại Hành”. Một là Tâm. Hai là sai biệt, chính là cùng giải thích về phần Đối trị và Quả hành. Cho nên phần tiếp sau giải thích văn, đã nhắc lại Tâm để giải thích về đối trị, nêu rõ là “Chẳng hành hủy hoại”; nhắc lại sai biệt để giải thích về Quả. Cho nên sở đã cho Tâm thuộc về đối trị, cho sai biệt thuộc nơi Quả hành.

- Sở câu: “Như loài dã can giả vờ thân với Sư tử”: Tức nơi Luật Tứ

phần nêu chuyện cọp Thiện Bát cùng với Sư tử Thiện Nha kết bạn thân, bị loài dã can phá hoại. Phần diễn rộng như nơi Luật ấy.

- Sớ câu: “Là Thể của ly gián nên gọi là Thân”: Thân khổ là Thể cùng với Nghiệp khác nhau ra sao? Thân là căn cứ nơi chính để phá. Nghiệp thì căn cứ nơi đối tượng được truyền đi. Cho nên nói về chỗ thô tế của Nghiệp.

- Sớ câu: “Bốn Nghiệp nơi ngữ ở đây tên gọi khác mà nghĩa là một”: Nghĩa tức là nghĩa của Thể. Tên gọi khác nhưng Thể là một.

- Sớ câu: “Hai phần sau nêu rõ về Thể của ngữ trước không ra ngoài hai loại”: Luận giải thích kinh không có câu “Nói lời hèn kém”, mà có “Nói lời chẳng đoan”. Nhưng Luận giải thích chung ở sau “Bốn ngữ” có câu “Thô ác thường hành của nói lời dối và không dối”.

Giải thích: Tức dùng “Thường hành” để giải thích “Chẳng đoan”. Lại giải thích lần nữa: “Trong đó, nói lời hiện tiền”: Là Thô mà chẳng gián đoan. Ý cho nói dối diện là Thô, chẳng dối diện là vi tế. Chẳng gián đoan thì chung cho cả hai. Nay do kinh không có từ “Chẳng đoan” mà có riêng từ “Hèn kém” nên lại chẳng nêu lên. Nhưng trong Luận lại giải thích.

- Sớ câu: “Tự trái với giới”: Đã có thể gây khổ cho kẻ khác, lại khiến giận dữ, náo hại kia rất sâu nên trái với Giới Ác khẩu. Cũng trái với giới tự khen mình, chê bai kẻ khác.

- Sớ câu: “Khiến kẻ khác trái với Giới”: Khiến phạm giới Sân. Do nhớ nghĩ chẳng vui nên sinh oán kết. Người trước mong được hối cải, khéo nói lời sám hối, mà vẫn còn giận dữ không cởi bỏ, nên phạm giới trọng.

- Sớ câu: “Nghĩa là Nhuận trạch”: Lời nói ắt đem lại lợi ích cho kẻ khác gọi là “nhuận trạch” (nhuần thắm).

- Câu: “Nên chuyển hóa ngược hai câu “Gây khổ cho kẻ khác khiến giận dữ tức là như nhuuyến”: “Nhu” là nhu hòa (dịu dàng, hòa nhã), “Nhuuyến” là khéo mềm mỏng.

- Nói “Được Giới thâm tóm nên là dịu dàng hòa nhã”: “Nhu hòa” tức không độc hại. “Khéo mềm mỏng” tức không thô ác. Ác tức là bạo ác dễ gây đổ vỡ, giết chóc. Hại là tổn hại, như kiếm kích. Nay đã là hòa nhã dịu dàng nên không còn tổn hại. Luận giải thích “Chẳng độc ác” viết: “Thọ hành chẳng đoan”. Cho nên ở trên, giải thích về ác độc đã nói: “Dễ gây đổ vỡ, giết chóc”. Vì thế, Bồ tát về lời nói ắt thuận với đạo, cho đến tận cùng đời vị lai, luôn hành theo lợi thiện. Đây cũng là ý: “Trong thiên hạ cái mềm mỏng nhất chế ngự được cái cứng rắn nhất”

(Đạo Đức Kinh).

- Sớ câu: “Trong tâm ý vui thích mà phát ngôn ra lời nói”: Tức như nơi phần Hệ Từ (Hạ) của sách Chu dịch có câu: “Làm cho thân mình được an ổn rồi sau mới hành động. Khiến cho tâm mình được bình dị rồi sau mới nói năng”.

Phần chú thích nêu: Bình dị hòa hợp với Biến dịch. Ngược lại sự sân hận nêu trên, nên lý tất nhiên là thế.

- Sớ câu: “Lời nói thuận với người, trời”: Tức chỗ báo đáp của thế gian thích hợp với tâm tình nên gọi là “Vui thích”.

- Sớ câu: “Từ câu: “Lại nữa, ý vui thích” tiếp xuống: Là ba Ngữ lần lượt cùng giải thích”: Tức lại giải thích về “Ba lời” ấy. Ở trên đều phối hợp riêng nên nay nói “Lần lượt”. Tức là: Thế nào là ý vui thích? Là có thể ưa thích nghe. Vì sao ưa thích nghe? Vì nghe thì sinh vui mừng.

- Sớ câu: “Khéo đi vào lòng người”: Đây là dùng “Một lời” chuyển đổi thành như ba lời.

- Nói “Nay thuyết giảng thuận theo nẻo giải thoát tịch diệt, khiến khéo đi vào lòng người v.v... Thì chữ đẳng v.v... là chỉ cho hai phần còn lại. Nghĩa là nói về giải thoát tịch diệt tức như cam lồ đi vào nơi thân tâm, đâu như lửa thiêu đốt? Nghe khiến an vui, mát mẻ há nóng như đốt bức bách? Trong ngoài đều hòa nhập vắng lặng, thì oán kết há còn sinh?

- Sớ câu: “Phát sinh Tam muội”: Là nêu ra tổng quát về lý do. Trước thì lúc nghe chẳng hoan hỷ, khi nhớ nghĩ chẳng thích thú. Nay nghe thì thuận theo Tam muội, vui với pháp, hợp với tâm hồn. Nhớ nghĩ thì thuận với chánh thọ, nên nhẹ nhàng thư thái.

- Mà nói: “Nhiều người ưa thích”: Luận viết: “Người thân oán và không thân không oán, không ai là không yêu thích. Do lời nói thuận với Tam muội thì đâu còn dày mỏng, trọng khinh?” Luận lại nói: “Lời ấy có thể tạo được hai thứ lợi ích:

Một: Kẻ khác chưa sinh giận dữ thì khiến cho họ chẳng sinh. Nghe khiến yêu thích, lại sinh Tam muội tức là vui thích.

Hai: Chưa phát sinh “Bạc thân” thì khiến phát sinh. Tức nơi phần tiếp sau nói “Thân tâm” vui mừng phấn khích. Do thân tâm của chính mình hoan hỷ, kính tin, cũng khiến cho người khác nghe thì hoan hỷ, kính tin. Hoan hỷ kính tin tức là “Vui mừng phấn khích”. Cho nên phần Sớ giải viết là: “Tự thân, Tha thân cùng sinh thân thiện” tức là chuyển đổi chỗ “Mất niềm vui của sự cùng biết nhau” ở trước. Thơ xưa có câu:

*“Buồn chớ buồn chừ, sinh biệt ly.
Vui chớ vui chừ, mới cùng biết!”*

Cái vui của thế gian hãy còn như vậy hướng hồ là cái vui của bạn hiền xuất thế gian. * Số câu: “Ba lần nghĩ ngợi rồi sau đấy mới nói” Là xuất xứ từ sách Luận Ngữ.

- Số câu: “Lược nói có ba”: Tức một là giáo hóa sinh tin tưởng. Hai là chỉ dạy, trao truyền sinh hiểu biết. Ba là chỉ dạy, khuyên răn khiến thực hành được thành tựu.

- Số câu: “Tức chữ Thời có nghĩa riêng”: “Thời” tức là Thể của sự giáo hóa. “Do lời nói bao hàm nơi nghĩa”: Tức nghĩa nơi kinh, nơi lời, là nghĩa lý, cũng gọi là nghĩa lợi.

- Số câu: “Nghĩa là, có tội thì chế (định ra pháp để xử trị)”: Như đối với việc sát sinh, trộm cắp. “Không tội thì thuận theo”: Như sự nuôi dưỡng. “Nêu lên”, như Luật nói: “Chẳng thấy, chẳng sám hối thì tà, ác không rời”. “Nêu lên, loại trừ ra ngoài đại chúng” là trừ bỏ người xấu ác. Nay, việc nêu lên ấy là trừ bỏ tội lỗi kia. Đây là làm rõ việc “Nêu lên” chẳng phải là nêu tội để ruồng bỏ. Nói “Như pháp mà nêu lên”: Là nêu lên đủ các đức:

Một: Là Tâm từ, chẳng phải do giận dữ.

Hai: Là nhằm tạo lợi ích, chẳng phải để gây tổn hại.

Ba: Là hòa dịu, chẳng phải do thô ác.

Bốn: Do chân thật chẳng phải do hư dối...

Năm: Biết đúng thời chẳng phải do trái thời. Gồm đủ năm đức ấy gọi là “Như pháp”. Ở đây gọi là “Khéo điều phục”. Luận viết: Tỳ Ni giải thích là để diệt trừ sự tranh cãi. Tỳ Ni gọi “Diệt trừ” cũng là nghĩa điều phục.

- Số từ câu: “Lại nữa, một câu ấy” tiếp xuống: Trên là giải thích sự quyết định. Dưới đây là giải thích “Trừ liệu theo thời”:

Một: Tức trừ liệu về các trường hợp có tội, không tội. Luận viết: “Biết có tội, không tội, đó là Luật sư”.

Hai: Tức phần trừ liệu chung về Chế định, thuận theo, nêu lên, hạch vấn. Cho nên phần Số giải nêu chung là đều phải trừ liệu về chỗ đạt được.

- Số câu: “Do Tham là gốc của nghiệp hữu”: “Hữu” tức là Nghiệp, cũng là ba cõi. Cho nên trong mười hai nhân duyên, về quá khứ gọi là Nghiệp, Hiện tại gọi là Hữu. Nhưng Tham, nếu chưa quyết định gọi là phiền não. Quyết định tức gọi là Nghiệp, nên là gốc của Nghiệp. Chẳng giống như sát sinh v.v... Dựa vào Tâm Tham v.v... mới bày rõ nơi thân

miệng thực hiện việc sát sinh v.v... Do đó, gọi là “Lại không có chỗ nương tựa” Chỗ nương tựa đã không phải do thân tóm nhân hành thành thì chẳng giống nơi sát sinh v.v... Cho nên không có Quả hành. Đã không có nhân quả thì sao có “Hai là”.

- Sớ câu: “Hai là chỗ của cải được dùng của kẻ khác là Thể”: Sự chỉ nêu rõ về kẻ khác, phân biệt với chính mình. Thể tức như vàng v.v... là Thể của vật được tham, phân biệt chẳng phải là vật dụng của kẻ khác có, tuy chẳng phải là “Ngã tham”, nên chẳng thành nghiệp, như núi sông v.v...

- Sớ câu: “Một là sự vật của chỗ dùng như vàng v.v...”: Nhưng “Vật được tham” là chung nơi tài sản, sắc đẹp. Luận lược nêu về tài sản. Cũng có thể ở nơi Sắc mà quyết định việc tham, là cảnh giới của tà dâm, nên ở đây không bàn.

- Sớ câu: “Ba là sau cùng dấy khởi tướng xâm đoạt là Tham”: Luận giải thích kinh nêu có hai tâm Tham. Kinh viết: “Chẳng sinh tâm Tham, chẳng cầu chẳng nguyện”. “Chẳng sinh tâm Tham”: Phần nhiều là do người dịch thấy câu ấy được lặp lại nên đã lược bỏ một Tham. Lại so sánh với chỗ Luận giải thích kinh thì thấy đảo lộn về thứ tự. Phần Sớ giải dựa theo thứ tự của Luận nên cũng giải thích đảo lộn về kinh. Trước nhẹ sau nặng đó là tâm Tham bao hàm cả chung riêng. Chung thì ba câu đều là Tánh chẳng tham.

- Sớ từ câu: “Nên trong ba nghiệp của ý cần đủ năm duyên” tiếp xuống: Là phân biệt Nghiệp khác với Hoặc. Tức ý nơi Luận Du Già. Luận gốc cũng nói: “Hai thứ trước là Tế. Một thứ sau là Thô”. Thô tức thành Nghiệp. Hiển bày, nay Bồ tát về Tế cũng chẳng dấy khởi nên đều là chẳng có.

- Sớ câu: “Đối trị chỗ không hòa hợp, nhuần thấm của sự nhiễm đắm kia”: Do pháp thiện tăng trưởng nên khiến lìa bỏ mọi sự buông lung kia, tức gọi là “Lợi lạc nhuần thấm”.

“Năm là đối với người đã phát tâm Bồ đề”: Luận viết: “đối với chúng sinh đã phát tâm Bồ đề, e sợ ở trong vô lượng nẻo hành hóa lợi ích, do gắng sức khó nhọc, nên sinh ra mệt mỏi biếng trễ. Nay nhiếp phục khiến họ dấy khởi theo hướng đã phát, đối trị chỗ mệt mỏi biếng trễ kia khiến không thối chuyển.

- Sớ câu: “Chẳng phải là một. một khác đối nhau nên gọi là chung”: Luận viết: “Tâm Từ ấy v.v... có sáu thứ chướng ngại. Đây chẳng phải là phân biệt, cũng chẳng phải là một chướng đối”.

Giải thích: Nói “Chẳng phải là phân biệt”: Tức chẳng phải là hai

chương, ba chương đối với một sự xử trị ở trước. Cũng chẳng phải là một chương đối với nhiều sự xử trị ở trước. Cho nên gọi “Chẳng phải là phân biệt”. Nay Sở giải chỉ nói: “Là chung, chẳng phải là riêng” tức đã bao hàm hai nghĩa trên.

- Sở câu: “Tăng trưởng Ác gọi là Hại, đều có đã sinh chưa sinh”: Do lãnh hội dễ nên không hiểu bày. Nếu dựa theo Luận, lần lượt nêu đủ là: “Pháp thiện nơi tự thân chưa sinh khiến chẳng sinh, đã sinh rồi thì khiến diệt. Tức là “Gây chương ngại cho pháp thiện, gọi là oán”. Pháp bất thiện nơi chính mình chưa sinh, làm cho có thể phát sinh, đã sinh rồi thì khiến cho tăng trưởng, tức “Tăng trưởng điều ác gọi là Hại”. Phần sau, hai trường hợp đối với người khác cũng vậy. Ở nơi Thân kẻ khác, sự việc chẳng yêu thích, chưa sinh thì khiến cho sinh, đã sinh rồi thì khiến tăng trưởng, tức “Làm khổ kẻ khác gọi là nã”. Sự việc yêu thích nơi thân kẻ khác, chưa sinh thì khiến chẳng sinh, đã sinh rồi thì khiến chẳng tùy thuận, tức “Đố kỵ chỗ hơn gọi là Nhiệt”.

- Sở câu: “Nghĩa là, chỗ chẳng nói ở trước”: Trên đây là lược nêu về sáu loại người dấy khởi tâm Từ cùng sáu tâm, thật tức “Không chúng sinh nào mà chẳng giáo hóa, không lợi ích nào mà không dấy khởi”.

- Sở câu: “Chẳng làm việc bói toán v.v... Tà kiến có hai. Đây là Tà kiến thiện cận, chẳng phải là bác bỏ do không tin nhân quả, là Tà kiến sâu dày.

- Sở câu: “Phàm Cát, Hung, Hối, Lận sinh do nơi yêu ghét”: Tức là ý nơi sách Chu dịch, ở hội thứ nhất đã nêu dẫn. “Hối Lận” là lời nói có chỗ sai lầm nhỏ. “Ghét dữ yêu lành”, nhưng lành dữ thì rất là nhiều.

- Sở từ câu: “Ở đây, chỗ đối trị bảy kiến” tiếp xuống: Phần trên là giải thích riêng, Từ đây trở xuống là nhận xét, phân biệt.

- Sở câu: “Nhưng giới ác của Tà kiến chỉ là Tà kiến của ngoại đạo”: Tà kiến chính là ngoại đạo. “Giới thủ” thì có hai: Một là giới ác chỉ riêng lẻ dấy khởi. Đây chính là Tà kiến nên nêu riêng. Hai là phụ theo Giới chính mà dấy khởi. Nay không nói đến phần này. “Kiến thủ” cũng có hai: Một là chấp nơi dị kiến, cũng dấy khởi riêng lẻ. Hai là phụ theo pháp nội mà dấy khởi. Nhưng giới thủ phần nhiều dấy khởi một mình vì riêng nói về giới ác, cần kiến thủ thì ít khi một mình dấy khởi nên phần nhiều phụ vào pháp nội để khởi, lại vì khó thấy. Các Sở giải chỉ nói rõ không một mình dấy khởi”. Cho nên Sở giải nay nói: Chung với nội thì biết có ngoại.

- Sở câu: “Một thứ sau nêu rõ là tin nơi Tà”: Do tin thế gian là cứu cánh, nên là Tà.

- Sớ câu: “Hai thứ tiếp theo là dục cầu”: Tức ở trước nói tàng chứa sai giả dối thiện, để cầu năm dục.

- **Thứ hai là Nhiếp thiện pháp giới:**

- Sớ câu: “Nay nói về phần một: Đọa nơi cõi ác”: Đây tức là nêu rõ về Quán. Có ba ý:

Một là: Do đâu nhận biết? Nhận biết các chúng sinh chẳng dứt trừ mười Ác nên đọa nơi cõi Ác.

Hai là: Nhân nơi gì mà biết? Do ở trước nói về Luật nghi tự đoạn trừ điều Ác.

Ba là: Vì sao mà biết? Bồ tát với tâm đại bi vốn vì muôn loài. “Có ba thứ nghĩa” tức nơi phần Sớ giải dựa nơi Luận phân làm ba:

Một: “Nhân nơi Ác mà đi đến”. “Đây tức là Nhân của Tập”: Luận giải thích kinh viết: “Bồ tát tự suy niệm: “Tất cả chúng sinh bị đọa nơi cõi Ác đều do chẳng lìa bỏ mười pháp bất thiện, là nhân duyên của Tập. Kinh nay kinh thiếu chữ “Nhân duyên của Tập”, tức là chữ “đều cho...” đã thâm tóm nghĩa. Luận giải thích nói: “Nhân của Tập, là sự tiếp nhận, thực hành”. Tức mười pháp bất thiện là pháp của đối tượng được thực hành. Nếu có sự thọ nhận, thực hành tức đọa nơi cõi Ác.

Hai: “Nương dựa nơi tự thân là chủ thể sinh ra khổ não”.

Ba: “Luôn rơi vào nơi chốn có vô số tướng khổ”.

- Sớ câu: “Tức chẳng phải là không có nhân v.v...”: Là Luận nêu: “Bồ tát như thế là xa lìa kiến giải không nhân, nhân điên đảo, khéo lãnh hội theo chỗ tự hành theo hạnh ác, trụ nơi chốn phi pháp của chúng sinh”. “Nơi chốn phi pháp” tức là quả Khổ.

- Sớ từ câu: “Sau thì dấy khởi nguyện hạnh” tiếp xuống: Văn có hai ý:

Một: Nêu rõ nguyên do của việc dấy khởi Nguyện. Là do nhớ nghĩ đến nhân quả xấu ác của chúng sinh.

Hai: Liền dấy khởi nguyện. Luận nêu: “Bồ tát như thế là đã đạt được sự tịch tĩnh sâu xa, tư duy xong, muốn cứu độ chúng sinh, nhận biết tự thân có thể làm được...”

